

Kết quả xét nhận đồ án kỳ 20131 - 17/09/2013 Khóa 52,53

Ghi chú: true(3<8) nghĩa là đạt, nợ 3 tín chỉ, yêu cầu không nợ quá 8 tín chỉ
25<8 nghĩa là sinh viên nợ 25 tín chỉ, yêu cầu nợ không quá 8 tín chỉ, không được nhận đồ án

STT	Mã SV	Họ	Đệm	Tên	Ngày sinh	GroupStatus	Lớp	Chương trình	Khoa/viện	Khóa	Lớp ĐK	CPA	TC tích lũy	Kết quả xét	Ghi chú	Các môn bắt buộc còn nợ	NoteCourseTypePass
1	20070052	Phạm	Xuân	An	22/07/1989	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	1.78	159	Đạt	true(2<8)	PE1010:Giáo dục thể chất A;IT4900:Thực tập chuyên ngành;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:33;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
2	20080032	Hoàng	Duy	Anh	27/12/1990	571	Kỹ thuật Môi trường K53	Kỹ thuật Môi trường 2008	VKHVCNMT	53	626020	2.02	149	Không đạt	15<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;MI1030:Đại	GDĐCBB:36;CSKTCBB:62;CSNB B:26;TC:21;
3	20073572	Lê	Tuấn	Anh	26/11/1989	571	Hoá Dầu 2 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	1.73	163	Đạt	true(7<8)	CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:36;TC:2;TCI:11;TCII:6
4	20070088	Lương	Hải	Anh	19/10/1989	571	Kỹ thuật tàu thủy K52	Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy-2007	VCKDL	52	625162	1.87	164.5	Đạt	true(5<8)	ME3010:Cơ học kỹ thuật II;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:46.5;CNBB:28;TCI:12;TCII:6;
5	20083254	Nguyễn	Ngọc	Anh	19/08/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	2.57	159	Không đạt	9<8	ET2010:Kỹ thuật điện tử;IT4260:An ninh mạng;IT4270:Hệ thống máy tính công nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:41;CNBB:29;TC:4;TCI:2;TCII:6;TCIIA:2;TCIIB:6;
6	20070111	Nguyễn	Tiếp	Anh	15/11/1989	571	Kỹ thuật máy tính K52	Kỹ thuật Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.24	169	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:33;TC:2;TCI:4;TCII:6;TCIIA:2;TCIIB:6;
7	20070127	Nguyễn	Việt	Anh	12/10/1989	571	Toán tin 2 K52	Toán-Tin-2007	KTTD	52	68179	1.91	157.5	Không đạt	12<8	MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EE2010:Kỹ thuật điện;ET2010:Kỹ thuật điện	GDĐCBB:46;CSKTCBB:11;CSNB B:41;CNBB:37.5;TC:8;TCI:10;
8	20080099	Phạm	Hùng	Anh	25/12/1990	571	Cơ điện tử 3 (C) K53	Cơ điện tử-CTC-2008	KCK	53	625273	1.8	146	Không đạt	16.5<8	MIL1011:Đường lối quân sự;SSH1050:Tư tưởng HCM;EE2010:Kỹ thuật điện;ME3090:Chi tiết máy;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;EE3539:Truyền động điện;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:19;CSNB B:42;CNBB:24;TCI:12;TCII:8;
9	20080109	Tô	Hải	Anh	17/10/1991	571	Kỹ thuật thực phẩm K53	Kỹ thuật thực phẩm 2008	VCNSHVTP	53	625681	1.52	138	Không đạt	26<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;SSH1050:Tư tưởng HCM;CH3122:Hóa vô cơ (CN môi trường, CNTP và luyện kim);CH3223:Hóa hữu cơ;CH3304:Hóa phân tích (CN SH-TP);BF3010:...	GDĐCBB:38;CSKTCBB:25;CSNB B:53;CNBB:4;TCI:14;TCII:4;
10	20083256	Trần	Đình	Anh	26/09/1990	571	Kỹ thuật đo K53	Kỹ thật đo 2008	KD	53	625060	2.06	159	Đạt	true(5<8)	MIL1013:Quân sự chung;MI2010:Phương pháp tính;EE4503:Xử lý số tín hiệu;EE5052:Thực tập tốt	GDĐCBB:43;CSKTCBB:17;CSNB B:59;CNBB:22;TC:18;
11	20083258	Dương	Đức	Ánh	26/06/1990	571	Marketing K53	Marketing 2008	KKTVQL	53	625541	2.56	158	Đạt	true(8<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;EM3001:Thực tập cơ bản (Xưởng cơ);PH1010:Vật lý đại cương I;PH1020:Vật lý đại cương II;	GDĐCBB:35;CSNB:57;CNBB:34 ;TC:28;
12	20080146	Lê	Xuân	Bách	30/11/1989	571	Cơ điện tử 3 (C) K53	Cơ điện tử-CTC-2008	KCK	53	625273	2.02	163	Đạt	true(3.5<8)	MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:48;CNBB:26;TCI:12;TCII:8;
13	20070181	Nguyễn	Văn	Bách	01/12/1989	571	Quá trình và Thiết bị K52	Quá trình và Thiết bị CN Hoá học-2007	KCNHH	52	67900	1.72	164	Đạt	true(6<8)	PE1010:Giáo dục thể chất A;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3430:Quá trình và thiết bị CNHH 4;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:37;CNBB:36;TCI:10;TCII:6;TC:2 ;
14	20080153	Trần	Xuân	Bách	24/10/1990	571	Kỹ thuật đo K53	Kỹ thật đo 2008	KD	53	625060	1.99	149	Không đạt	17<8	EE3392:Vật liệu điện ;EE3410:Điện tử công suất;EE4504:Phương pháp đo;EE4417:Tự động hoá	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:54;CNBB:21;TC:8;
15	20080158	Nguyễn	Văn	Bản	05/10/1990	571	IS1 K53	CNTT Việt-Nhật - IS 2008	BDHDADTCVT	53	67975	1.97	180	Đạt	true(2<8)	IT3012:Lập trình C (nâng cao);IT4262:Bảo mật mạng máy tính;	GDĐCBB:54;CSKTCBB:35;CSNB B:86;CNBB:3;
16	20060174	Mai	Sỹ	Bảo	16/09/1988	571	Chế tạo máy 4 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.99	161.5	Đạt	true(8<8)	CH1010:Hoá học đại cương;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME4162:Đồ án Máy ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:48.5;CNBB:29;TCI:10;TCII:8;
17	20080185	Bùi	Văn	Biển	14/04/1990	571	Marketing K53	Marketing 2008	KKTVQL	53	625541	1.86	160.5	Đạt	true(6<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;ME4930:Công nghệ cơ khí;ME2040:Cơ học kỹ thuật;	GDĐCBB:43;CSNB:51;CNBB:35 .5;TC:27;
18	20080180	Nguyễn	Tiến	Biển	01/08/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.13	161	Đạt	true(6<8)	IT4590:Lý thuyết thông tin;IT4690:Mạng không dây và truyền thông di động ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:31;TC:6;TCI:4;TCII:10 ;
19	20060202	Đậu	Thanh	Bình	11/02/1988	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	2.08	161	Đạt	true(4<8)	PH1020:Vật lý đại cương II;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
20	20080208	Nguyễn	Thanh	Bình	27/07/1990	571	Động cơ đốt trong K53	Động cơ đốt trong-2008	VCKDL	53	625162	1.88	161	Đạt	true(8.5<10)	MI1030:Đại số;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3060:Nguyên lý máy;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:43;CNBB:30;TC:19;
21	20070236	Nguyễn	Thế	Bình	25/04/1989	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.27	158	Không đạt	10<8	FL1010:Tiếng Anh I;FL1020:Tiếng Anh II;FL2010:Tiếng Anh KHK;FL3101:Tiếng Anh CN CN Thông tin I;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:23;CSNB B:36;CNBB:35;TC:6;TCI:6;TCII:8;
22	20080225	Phạm	Văn	Cao	08/12/1990	571	Máy và TĐH CNTP K53	Máy và TĐH CNTP 2008	VCNSHVTP	53	625678	2.65	164.5	Đạt	true(2.5<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;BF4840:Thí nghiệm chuyên đề và chuyên ngành;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:36.5;TCI:18;
23	20083673	Ngô	Chí	Công	14/06/1989	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	1.99	162	Đạt	7<8	Xét được nhân ĐATN	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:31;TC:6;TCI:4;TCII:8;
24	20070359	Nguyễn	Doãn	Công	27/07/1989	571	SP chất dẻo K52	Máy và CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2007	KCK	52	625273	1.91	162.5	Đạt	true(7<8)	HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME3080:Kỹ thuật thủy khí;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:42.5;CNBB:28;TCI:14;TCII:9;
25	20070396	Đào	Thế	Cường	26/10/1989	571	Cơ điện tử 1 K52	Cơ điện tử A-2007	KCK	52	625273	2.44	167	Đạt	true(3.5<8)	ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME4011:Ngôn ngữ & kỹ thuật lập trình [C&C++];	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:47;CNBB:25;TCI:12;TCII:11;

26	20083278	Đỗ	Đức	Cường	05/03/1990	571	Kỹ thuật y sinh K53	Kỹ thuật y sinh 2008	KDVT	53	625598	1.79	146	Không đạt	21<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;ET3030:Lý thuyết mạch;ET3040:Trường điện từ ;ET3110:Kỹ thuật vi xử lý;ET3160:Kỹ thuật phần cứng;ET3200:Cơ học máy tính	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:50;CNBB:10;TC:17;
27	20070400	Đoàn	Mạnh	Cường	29/09/1988	571	Kỹ thuật gang thép K52	Kỹ thuật Gang thép-2007	KKHVCNVL	52	68235	2.06	160	Đạt	true(8<8)	MI1030:Đại số;ME2040:Cơ học kỹ thuật;HE4153:Lò công nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:38;CNBB:35;TC:18;
28	20070410	Lê	Cao	Cường	01/07/1987	571	Ô tô A K52	Ô tô và xe chuyên dụng-2007	VCKDL	52	625162	1.97	165	Đạt	true(6<8)	CH1010:Hoá học đại cương;EE2010:Kỹ thuật điện;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:42.5;CNBB:36.5;TCI:15;TCII:5;
29	20077031	Nguyễn	Mạnh	Cường	02/07/1986	571	KS2K52KTHK	Kỹ thuật Hàng không (KS2)-2007	VCKDL	52	625162	2.23	166	Đạt	true(3.5<8)	ME3010:Cơ học kỹ thuật II;	CSNBB:42;CNBB:31;TCI:12;TCII:9;
30	20060433	Nguyễn	Mạnh	Cường	06/04/1987	571	Đo lường TH 1 K52	Kỹ thuật đo và Tin học công nghiệp-2007	KD	52	625060	1.91	166	Đạt	true(5<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;EE3392:Vật liệu điện ;EE3510:Truyền động điện;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:54;CNBB:25;TC:18;
31	20080386	Nguyễn	Mạnh	Cường	08/11/1990	571	CN Polyme K53	Polyme 2008	KCNHH	53	67896	2.4	169	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:46;CNBB:29;TCI:14;TCII:10;
32	20080407	Trịnh	Đình	Cường	07/06/1990	571	Hệ thống điện 2 K53	Hệ thống điện 2008	KD	53	625061	2.02	153	Không đạt	14<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;EE3500:Hệ thống thông tin công nghiệp;HE4241:Phân nhiệt nhà	GDĐCBB:37;CSKTCBB:25;CSNB B:53;CNBB:30;TC:4;
33	20080412	Vũ	Tuấn	Cường	30/11/1990	571	Sản phẩm chất dẻo K53	CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2008	KCK	53	625273	2.22	152	Không đạt	14.5<8	MIL1013:Quân sự chung;MI1030:Đại số;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME4046:Vật liệu và công nghệ chế tạo SP cao su;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:20;CSNB B:43;CNBB:27;TCI:8;TCII:10;
34	20083630	Son		Chanso Vannarith	21/01/1987	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.22	162	Đạt	true(3<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:35;TC:6;TCI:6;TCII:8;
35	20083614	Đình	Văn	Chiến	17/09/1988	571	Chế tạo máy 4 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	1.83	158.5	Đạt	true(6<8)	MIL1013:Quân sự chung;EE2010:Kỹ thuật điện;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:48.5;CNBB:31;TCI:6;TCII:10;
36	20080255	Nguyễn	Công	Chiến	22/04/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.56	163	Đạt	true(3<8)	SSH1120:Những NLCB của CNML II;	GDĐCBB:44;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
37	20070295	Nguyễn	Phú	Chiến	18/10/1989	571	Hoá Dầu 1 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	2.14	169	Đạt	true(1<8)	CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:36;TC:2;TCI:11;TCII:6
38	20060294	Vũ	Đình	Chinh	25/08/1987	571	Kỹ thuật hàng không K52	Kỹ thuật Hàng không-2007	VCKDL	52	625162	1.93	157.5	Không đạt	12<8	Sản phẩm CNKT khoa học;MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;ET2010:Kỹ thuật điện tử;MI2010:Phương pháp tính;FL2010:Tiếng Anh KHK;FL3103:Tiếng Anh CN	GDĐCBB:44;CSKTCBB:15;CSNB B:44.5;CNBB:31;TCI:10;TCII:9;
39	20083267	Hoàng	Công	Chính	14/02/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	1.89	157	Đạt	true(4<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;IT4170:Xử lý tín hiệu số;IT5000:Thực tập tốt nghiệp	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:33;TC:6;TCI:4;TCII:8;
40	20070323	Đình	Văn	Chung	30/12/1989	571	Quá trình và Thiết bị K52	Quá trình và Thiết bị CN Hoá học-2007	KCNHH	52	67900	1.71	162	Đạt	true(7<8)	CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;(KTHH);CH5007:Thực tập tốt nghiệp (Quá trình & Thiết bị CNMLII);	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:36;TCI:12;TCII:6;TC:2
41	20080297	Nguyễn	Thành	Chung	13/05/1990	571	Công nghệ phần mềm K53	Công nghệ phần mềm 2008	KCNTT	53	67977	1.98	158	Không đạt	10<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;MI1040:Phương trình vi phân và chuỗi;IT3030:Kiến trúc máy tính;IT4520:Kinh tế công nghệ phần mềm;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:25;CSNB B:32;CNBB:32;TC:3;TCI:6;TCII:15
42	20083609	Vi	Thị	Chung	11/11/1989	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	2.05	161	Đạt	true(8<8)	MI1020:Giải tích II;ME2040:Cơ học kỹ thuật;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:43;CNBB:35;TCI:11;TCII:8;TC:0
43	20070491	Hoàng	Văn	Du	29/10/1989	571	Chế tạo máy 5 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.86	166.5	Đạt	true(4<8)	ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME4222:Thiết kế dụng cụ cắt;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:45.5;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
44	20050694	Nguyễn	Văn	Dự	NULL	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.07	166	Đạt	true(2<8)	IT3120:Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:36;CNBB:35;TC:6;TCI:6;TCII:8;
45	20080433	Vũ	Minh	Đuẩn	02/10/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.45	162	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
46	20076136	Bùi	Viết	Dũng	31/12/1987	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	1.94	151	Đạt	true(5<8)	IT4040:Trí tuệ nhân tạo;IT4900:Thực tập chuyên ngành;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	CSNBB:35;CNBB:30;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
47	20080473	Cao	Chí	Dũng	19/05/1990	571	Chế tạo máy 2 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	2.04	162	Đạt	true(4.5<8)	ME4152:Kỹ thuật ma sát;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:48;CNBB:29;TCI:10;TCII:6;
48	20040531	Cao	Việt	Dũng	NULL	571	CN Nhuộm & Hoàn tất K52	Công nghệ Nhuộm và Hoàn tất-2007	KCNDMVTT	52	625620	1.84	158.5	Đạt	8<8	Xét được nhận ĐATN	GDĐCBB:46;CSKTCBB:20;TCI:4;TCII:0;CSNBB:15;CNBB:44.5;TC:18;
49	20070602	Nông	Việt	Dũng	05/02/1989	571	CN Phần mềm K52	Công nghệ Phần mềm-2007	KCNTT	52	67977	2.44	164	Đạt	true(7<8)	PH1010:Vật lý đại cương I;CH1010:Hoá học đại cương;	GDĐCBB:39;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:34;TC:6;TCI:6;TCII:15
50	20076138	Nguyễn	Quang	Dũng	09/08/1987	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.03	162	Đạt	true(6<8)	FL3101:Tiếng Anh CN CN Thông tin I;IT4670:Đánh giá hiệu năng mạng;IT4900:Thực tập chuyên ngành;	CSNBB:38;CNBB:31;TC:6;TCI:6;TCII:8;
51	20083288	Nguyễn	Tiến	Dũng	20/08/1990	571	Máy & TB Nhiệt - Lạnh K53	Máy & TB NL 2008	VKHVCNNL	53	625655	1.95	152	Không đạt	11<8	MIL1011:Đường lối quân sự;ME2040:Cơ học kỹ thuật;EE3109:Điện tử tương tự và điện tử số;HE5012:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSNBB:70;CNBB:24;TCI:1;TCII:14;
52	20070572	Nguyễn	Thế	Dũng	05/02/1989	571	TB Điện 2 K52	Thiết bị Điện-điện tử-2007	KD	52	625062	1.85	159	Không đạt	11<8	PH1020:Vật lý đại cương II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EE4208:Thiết bị lập trình điều khiển thiết bị điện ;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:16;CSNB B:58;CNBB:25;TC:14;
53	20070600	Nguyễn	Việt	Dũng	29/10/1989	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.18	163	Đạt	true(5<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:38;CNBB:35;TC:6;TCI:4;TCII:8;
54	20080526	Trần	Anh	Dũng	05/11/1990	571	Thiết bị điện K53	Thiết bị Điện-Điện tử 2008	KD	53	625062	2.12	161	Đạt	true(6<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;EE4207:Thiết kế thiết bị điều khiển;EE4209:Tự động hoá & điều khiển thiết bị điện ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:58;CNBB:21;TC:16;
55	20070618	Trần	Việt	Dũng	28/07/1989	571	Khoa học máy tính K52	Khoa học Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.74	167	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:37;TC:4;TCI:4;TCII:12
56	20060630	Trịnh	Minh	Dũng	NULL	571	IS3 K53	CNTT Việt-Nhật - IS 2008	BDHDADTCVT	53	67975	2.03	179	Đạt	true(3<8)	IT3012:Lập trình C (nâng cao);SSH1120:Những NLCB của CNML II;	GDĐCBB:54;CSKTCBB:34;CSNB B:86;CNBB:3;
57	20070517	Nguyễn	Văn	Duy	24/04/1988	571	Đo lường TH 1 K52	Kỹ thuật đo và Tin học công nghiệp-2007	KD	52	625060	1.6	149	Không đạt	16<8	MI2010:Phương pháp tính;EE3392:Vật liệu điện ;EE3500:Hệ thống thông tin công nghiệp;FL3106:Tiếng	GDĐCBB:46;CSKTCBB:17;CSNB B:53;CNBB:19;TC:14;

58	20080459	Phạm	Khương	Duy	12/09/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	1.82	150	Không đạt	12<8	FL1010:Tiếng Anh I;FL1020:Tiếng Anh II;FL2010:Tiếng Anh KHKT;FL3101:Tiếng Anh CN CN Thông tin I;	GDĐCB:37;CSKTCB:24;CSNB B:33;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:3;
59	20080468	Vũ	Quang	Duy	08/07/1990	571	Động cơ đốt trong K53	Động cơ đốt trong-2008	VCKDL	53	625162	1.86	154	Không đạt	12.5<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;PE1010:Giáo dục thể chất A;PE1030:Giáo dục thể chất C;ME3120:Kỹ	GDĐCB:43;CSKTCB:22;CSNB B:46;CNBB:22;TC:17;
60	20086216	Nguyễn	Thị	Duyên	31/05/1987	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán (CH) 2008	KKTVQL	53	625544	2.66	164.5	Đạt	true(1<8)	EM4521:Nghiệp vụ ngân hàng;	GDĐCB:0;CSNB:33.5;CNBB:36;TC:20;
61	20080575	Nguyễn	Huy	Dương	08/11/1989	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.35	162	Đạt	true(0<8)		GDĐCB:43;CSKTCB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
62	20073932	Bùi	Huy	Dương	01/01/1988	571	Điện tử 6 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	1.84	159	Không đạt	10<8	ME2040:Cơ học kỹ thuật;EE3349:Cơ sở điều khiển tự động;ET3150:Cơ sở đo lường điện tử;ET3160:Kỹ thuật	GDĐCB:46;CSNB:78;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:7;T
63	20080543	Đinh	Quang	Dương	29/05/1983	571	Hệ thống điện 3 K53	Hệ thống điện 2008	KD	53	625061	2.02	158	Không đạt	9<8	MIL1013:Quản sự chung;PE1030:Giáo dục thể chất C;EE3071:Kỹ thuật điện tử số ;EE4102:Lưới điện II;EE4103:Đồ án lưới điện;HE4241:Phản nhiệt nhà máy điện;	GDĐCB:37;CSKTCB:25;CSNB B:53;CNBB:27;TC:12;
64	20080548	Lê	Đại	Dương	25/12/1990	571	Kỹ thuật thực phẩm K53	Kỹ thuật thực phẩm 2008	VCNSHVTP	53	625681	1.97	159	Không đạt	9<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;ME1013:Quản sự chung;CH3304:Hóa phân tích (CN SH-TP);BF3170:Phương pháp phân tích bằng dụng cụ	GDĐCB:43;CSKTCB:25;CSNB B:65;CNBB:4;TCI:14;TCII:4;
65	20086395	Nguyễn	Hà	Dương	25/05/1989	571	Chế tạo máy 1 K53	Công nghệ chế tạo máy (CH)-2008	KCK	53	625273	2.22	77	Đạt	true(2<8)	MI2010:Phương pháp tính;	GDĐCB:6;CSKTCB:0;CSNB:34;CNBB:19;TCI:8;TCII:6;
66	20083297	Nguyễn	Phú	Dương	01/05/1990	571	Kỹ thuật thực phẩm K53	Kỹ thuật thực phẩm 2008	VCNSHVTP	53	625681	2.69	168	Đạt	true(1<8)		GDĐCB:43;CSKTCB:25;CSNB B:73;CNBB:4;TCI:15;TCII:4;
67	20070658	Phạm	Đỗ	Dương	24/10/1989	571	Điện tử Y sinh K52	Điện tử Y sinh-2007	KDVT	52	625598	2.19	163	Đạt	true(7<8)	ET3040:Trường điện từ ;ET3060:Điện tử số;	GDĐCB:46;CSNB:81;CNBB:12;TC:20;
68	20080599	Vũ	Quang	Đạo	24/06/1990	571	Kỹ thuật sinh học K53	Kỹ thuật sinh học 2008	VCNSHVTP	53	625677	2.15	163	Đạt	true(7<8)	CH3223:Hóa hữu cơ;CH3304:Hóa phân tích (CN SH-TP);BF3490:Sinh hóa miễn dịch;	GDĐCB:43;CSKTCB:25;CSNB B:59;CNBB:15;TC:17;
69	20086312	Đỗ	Trọng	Đáp	20/03/1986	571	Toán Tin 2 K53	Toán-Tin ứng dụng (CH)-2008	KTTD	53	68179	1.9	159.5	Không đạt	15<8	MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;MI3050:Các phương pháp tối ưu;MI3080:Giải tích phức và ứng dụng;MI4030:Mô hình toán kinh tế;	CSNB:34;CNBB:37.5;TC:5;TCI:8;
70	20070712	Hoàng	Tuấn	Đạt	04/10/1989	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.07	157	Không đạt	11<8	SSH1020:Kinh tế chính trị;IT3040:Kỹ thuật lập trình;IT4600:Thiết bị truyền thông và mạng ;IT4620:Xử lý dữ liệu đa phương tiện ;	GDĐCB:43;CSKTCB:25;CSNB B:36;CNBB:31;TC:6;TCI:4;TCII:8;
71	20070721	Nguyễn	Tất	Đạt	12/09/1989	571	Chế tạo máy 8 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	2.01	167.5	Đạt	true(3<8)	ME4162:Đồ án Máy ;ME4152:Kỹ thuật ma sát;	GDĐCB:46;CSKTCB:22;CSNB B:47.5;CNBB:28;TCI:10;TCII:10;
72	20086373	Nguyễn	Tiến	Đạt	20/09/1989	571	SPKT Tin K53	SPKT tin (CH)-2008	KSPKT	53	68245	2.35	138	Đạt	true(2<8)	IT4170:Xử lý tín hiệu số;	GDĐCB:2;CSKTCB:13;CSNB:12;CNBB:28;TCCD1:0;TCCD2:11;
73	20080621	Nguyễn	Thế	Đạt	02/08/1990	571	Máy chính xác K53	Cơ khí chính xác & quang học-2008	KCK	53	625273	2.21	155.5	Đạt	true(7<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCB:43;CSKTCB:22;CSNB B:47.5;CNBB:23;TCI:10;TCII:10;
74	20080626	Nguyễn	Văn	Đạt	01/04/1990	571	Điện tử 8 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	2	145	Không đạt	18<8	SSH1120:Những NLCB của CNML II;ET3030:Lý thuyết mạch;ET3040:Trường điện từ ;ET3110:Kỹ thuật vi xử	GDĐCB:40;CSKTCB:22;CSNB B:52;CNBB:13;TCCD1:7;TCCD13:GDĐCB:43;CSKTCB:25;CSNB B:39;CNBB:31;TC:2;TCI:4;TCII:2;TCIIA:2;TCIIB:6;
75	20080645	Vũ	Tuấn	Đạt	21/07/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	2.45	158	Đạt	true(8<8)	IT3060:Toán chuyên đề;IT4290:Xử lý tiếng nói;	GDĐCB:43;CSKTCB:22;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:8;TCI:11;
76	20080643	Vũ	Thành	Đạt	26/12/1990	571	Toán Tin 1 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	2.36	167.5	Đạt	true(0<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;	GDĐCB:43;CSKTCB:20;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:8;TCI:11;
77	20086119	Nguyễn	Hải	Đảng	21/01/1986	571	Cơ điện tử A K53	Cơ điện tử-CTA (CH)-2008	KCK	53	625273	1.89	80	Không đạt	9<8	MI1040:Phương trình vi phân và chuỗi;MI2010:Phương pháp tính;ME3060:Nguyên lý máy;IT4037:Hệ quản trị cơ sở dữ liệu;	GDĐCB:12;CSKTCB:0;CSNB:31;CNBB:21;TCI:6;TCII:6;
78	20080654	Trần		Đảng	13/06/1990	571	Chế tạo máy 4 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	2.1	164	Đạt	true(4<8)	MI1010:Giải tích I;	GDĐCB:40;CSKTCB:22;CSNB B:49;CNBB:31;TCI:10;TCII:8;
79	20070750	Nguyễn	Thế	Điền	18/01/1989	571	Toán tin 1 K52	Toán-Tin-2007	KTTD	52	68179	2.21	163.5	Không đạt	9<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;PH1010:Vật lý đại cương I;SSH1040:CNXH khoa học;PE1010:Giáo dục thể chất A;MI4140:Cơ sở dữ liệu nâng cao;	GDĐCB:40;CSKTCB:20;CSNB B:41;CNBB:37.5;TC:8;TCI:13;
80	20080658	Vũ	Quang	Điền	04/02/1990	571	CN Xenluloza-Giấy K53	Xenluloza-Giấy 2008	KCNHH	53	625986	1.88	149	Không đạt	18<8	CH1000:Hóa vô cơ I (KHH);CH1320:Phương pháp phân tích bằng công cụ;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;CH4420:Hóa học gỗ;CH4422:Hóa học	GDĐCB:43;CSKTCB:25;CSNB B:35;CNBB:23;TCI:13;TCII:8;
81	20070752	Vũ	Minh	Điền	12/03/1989	571	Điện tử 11 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	1.97	151	Không đạt	14<8	Y2201:Cơ sở lý luận và thực tiễn của kỹ thuật điện;HCM;EE3349:Cơ sở điều khiển tự động;ET3180:Thông tin vô tuyến;ET4270:Kiến trúc máy tính;ET5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCB:44;CSNB:81;CNBB:10;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:7;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:3;TC:
82	20070759	Lê	Ngọc	Điệp	17/01/1989	571	Điện tử 10 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	1.93	162	Đạt	true(7<8)	ET3030:Lý thuyết mạch;ET3040:Trường điện từ ;	GDĐCB:46;CSNB:81;CNBB:13;TCCD1:7;TCCD13:3;TCCD2:0;T
83	20080670	Nguyễn	Xuân	Điệp	22/10/1990	571	Chế tạo máy 2 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	2.25	166.5	Đạt	true(3<8)	ME4232:Đồ án thiết kế dụng cụ cắt;ME4152:Kỹ thuật ma sát;	GDĐCB:43;CSKTCB:22;CSNB B:48.5;CNBB:27;TCI:12;TCII:10;
84	20080709	Nguyễn	Đức	Độ	09/12/1989	571	Gia công áp lực K53	Gia công áp lực-2008	KCK	53	625273	2.12	154	Không đạt	14.5<8	ME3060:Nguyên lý máy;MSE3100:Vật liệu học;MSE4415:CN và thiết bị cán kéo;ME4105:Đồ án	GDĐCB:43;CSKTCB:22;CSNB B:42;CNBB:23;TCI:8;TCII:12;
85	20080681	Ngô	Văn	Đoàn	12/02/1990	571	Cơ điện tử 4 (C) K53	Cơ điện tử-CTC-2008	KCK	53	625273	1.88	159	Đạt	true(8<8)	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;ME4052:Nguyên lý và dụng cụ cắt;EE3539:Truyền động điện;	GDĐCB:40;CSKTCB:22;CSNB B:49;CNBB:22;TCI:14;TCII:8;
86	20070780	Nguyễn	Văn	Đoàn	15/04/1989	571	Chế tạo máy 5 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.98	157.5	Đạt	true(8<8)	SSH1050:Tư tưởng HCM;FL3103:Tiếng Anh CN Cơ khí;ME4022:Chế tạo phôi ;ME4162:Đồ án Máy ;ME4152:Kỹ thuật ma sát;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCB:44;CSKTCB:22;CSNB B:47.5;CNBB:26;TCI:10;TCII:8;
87	20080706	Trần	Mạnh	Đồng	12/12/1990	571	Toán Tin 2 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	1.96	157.5	Không đạt	9<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;CH1010:Hoá học đại cương;EE2010:Kỹ	GDĐCB:40;CSKTCB:14;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:8;TCI:10;
88	20070789	Hoàng	Bá	Đôn	13/06/1987	571	Kỹ thuật hàng không K52	Kỹ thuật Hàng không-2007	VCKDL	52	625162	2.17	169.5	Đạt	true(4<8)	ME3177:Công nghệ chế tạo máy C;ME3188:Đồ án máy bay;	GDĐCB:46;CSKTCB:23;CSNB B:42.5;CNBB:30;TCI:12;TCII:9;

89	20076192	Đặng	Hoàng	Đông	08/09/1983	571	HT Điện 2 K52	Hệ thống Điện-2007	KD	52	625061	2.07	163	Không đạt	9<8	MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;EE3281:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE3291:Lý thuyết điều khiển tự động II;EE4116:Tự động hoá trong hệ thống điện ;HE4241:Phản nhiệt nhà máy điện;	CSNB:B:41;CNBB:27;TC:16;
90	20080696	Hoàng	Duy	Đông	05/06/1990	571	CN Polyme K53	Polyme 2008	KCNHH	53	67896	2.32	163	Đạt	true(2<8)	CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH5002:Thực tập tốt nghiệp (CN vật liệu Polyme-compozit);	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:29;TCI:13;TCII:10;
91	20080723	Đinh	Văn	Đức	11/01/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2	156	Đạt	true(6<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;PH1010:Vật lý đại cương I;IT3060:Toán chuyên đề;	GDĐCBB:39;CSKTCBB:25;CSNB B:33;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
92	20080725	Đỗ	Đinh	Đức	08/09/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 1 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	2.2	165	Đạt	true(2<8)	MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:36;TCI:11;TCII:6;TC:2 ;
93	20080732	Lê	Minh	Đức	22/05/1990	571	IS1 K53	CNTT Việt-Nhật - IS 2008	BDHDADTCVT	53	67975	2.12	176	Đạt	true(6<8)	IT3021:Toán rời rạc;IT3091:Cơ sở dữ liệu;IT4011:Bảo mật thông tin;IT4262:Bảo mật mạng máy tính;	GDĐCBB:52;CSKTCBB:37;CSNB B:82;CNBB:3;
94	20070853	Lê	Văn	Đức	21/07/1989	571	Polime K52	Công nghệ Vật liệu Polyme-Compozit-2007	KCNHH	52	67896	1.99	168	Đạt	true(2<8)	CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:32;TCI:13;TCII:10;
95	20080735	Mai	Văn	Đức	30/05/1990	571	SPKT Điện tử K53	Sư phạm kỹ thuật Điện tử-2008	KSPKT	53	68244	2.17	142	Đạt	true(4<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;ED3060:Lógica hình thức và phương pháp luận nghiên cứu khoa học;ED4020:Sư phạm chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:10;CNBB:38;TC:26;
96	20080751	Nguyễn	Quý	Đức	19/10/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.3	162	Đạt	true(6<8)	IT4690:Mạng không dây và truyền thông di động ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:33;TC:4;TCI:4;TCII:8;
97	20070871	Nguyễn	Việt	Đức	11/09/1989	571	Hoá Dầu 2 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	1.87	168	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:42;CNBB:36;TC:2;TCI:13;TCII:2 ;
98	20080780	Vũ	Minh	Đức	16/10/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	1.82	169	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:35;TCI:13;TCII:6;TC:2 ;
99	20083681	Vũ	Tiến	Đức	02/05/1989	571	Điện tử 4 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	2.03	155	Không đạt	12<8	MI1030:Đại số;ME2040:Cơ học kỹ thuật;ET3160:Kỹ thuật phần mềm ứng dụng;ET3180:Thông tin vô tuyến;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:19;CSNB B:61;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:0;TCCD3:0;TCCD4:7;TCCD24:3;TC:8;
100	20073637	Phạm	Hoàng	Gia	08/07/1989	571	CN Hàn K52	Công nghệ Hàn-2007	KCK	52	625273	1.73	161.5	Không đạt	10<8	ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3080:Kỹ thuật thủy khí;ME3050:Sức bền vật liệu II;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:23;CSNB B:37.5;CNBB:29;TCI:12;TCII:10;
101	20070929	Thiều	Quốc	Giám	06/07/1989	571	Cơ điện tử 1 K52	Cơ điện tử A-2007	KCK	52	625273	1.93	159.5	Đạt	true(7<8)	CH1010:Hoá học đại cương;ME4031:Dao động kỹ thuật;IT3077:Hệ điều hành;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:49.5;CNBB:23;TCI:12;TCII:10;
102	20080796	Nguyễn	Dương Hồng	Giang	18/10/1990	571	Toán Tin 1 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	2.07	152.5	Không đạt	14<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;SSH1120:Những NLCB của CNML II;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;MI1030:Đại số;PE1030:Giáo dục thể chất C;CH1010:Hoá học đại cương;	GDĐCBB:31;CSKTCBB:20;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:8;TCI:8;
103	20070903	Nguyễn	Đinh	Giang	31/08/1989	571	Chế tạo máy 5 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	2.26	160.5	Đạt	true(5<8)	ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME4202:Công nghệ chế tạo máy II;ME4162:Đồ án Máy ;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:48.5;CNBB:26;TCI:10;TCII:8;
104	20080808	Trần	Hà	Giang	23/01/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	2.46	169	Đạt	true(0<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:35;TCI:13;TCII:6;TC:2 ;
105	20050962	Trần	Hoàng	Giang	NULL	571	Kỹ thuật năng lượng 2 K52	Kỹ thuật Năng lượng-2007	VKHVCNNL	52	625654	1.94	160	Đạt	true(6<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;HE3013:Nhiệt động kỹ thuật;HE5011:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:46;CSNB:B:70;CNBB:25 ;TC:19;
106	20060934	Vũ	Đinh	Giáp	02/04/1984	571	Quản trị DN K52	Quản trị Doanh nghiệp-2007	KKTVQL	52	625538	1.7	159.5	Không đạt	9<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MSE3230:Vật liệu thương phẩm;EM3521:Quản trị tài chính;EM4213:Phân tích hoạt động KD;EM4418:Quản trị sản xuất;	GDĐCBB:46;CSNB:B:55.5;CNBB:30;TC:24;
107	20050971	Giang	Văn	Giới	10/08/1986	571	Thực Phẩm 2 K52	Công nghệ Thực phẩm-2007	VCNSHVTP	52	625681	1.89	165	Đạt	true(6<8)	BF3010:Hóa sinh;BF3160:Dinh dưỡng an toàn thực phẩm;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:68;CNBB:4;TCI:14;TCII:4;
108	20080820	Đồng	Như	Hà	15/01/1990	571	SPKT Tin K53	SPKT tin-2008	KSPKT	53	68245	2.29	132	Đạt	true(2<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:12;CNBB:43;TCCD1:9;TCCD2:0 ;
109	20076003	Trần	Hoàng	Hà	24/12/1985	571	Quản trị Tài chính K52	Quản trị Tài chính-Kế toán-2007	KKTVQL	52	625544	2.22	168.5	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSNB:B:55.5;CNBB:42;TC:21;
110	20080815	Bằng	Văn	Hai	22/03/1990	571	Toán Tin 1 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	1.74	151.5	Không đạt	15<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;SSH1120:Những NLCB của CNML II;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;CH1010:Hoá học đại cương;EE2010:Kỹ thuật điện;MI3080:Giải tích phức và ứng dụng;MI3110:Kiến trúc máy tính...	GDĐCBB:37;CSKTCBB:17;CSNB B:35;CNBB:40.5;TC:8;TCI:10;
111	20080848	Đinh	Văn	Hải	21/11/1990	571	Thiết bị điện K53	Thiết bị Điện-Điện tử 2008	KD	53	625062	2.15	159	Đạt	true(8<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;EE3040:An toàn điện;EE3051:Mạch điện tử tương tự ;EE3281:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE3480:Vi xử lý;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:50;CNBB:27;TC:16;
112	20080860	Mai	Sơn	Hải	30/10/1990	571	Kỹ thuật thực phẩm K53	Kỹ thuật thực phẩm 2008	VCNSHVTP	53	625681	2.14	163	Đạt	true(5<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;BF3070:Kỹ thuật thực phẩm đại cương;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:71;CNBB:4;TCI:12;TCII:4;
113	20051066	Nguyễn	Đinh	Hải	10/09/1987	571	CN Nhuộm & Hoàn tất K52	Công nghệ Nhuộm và Hoàn tất-2007	KCNDMVTT	52	625620	1.85	158.5	Đạt	11<8	Xét không được nhận ĐA do নয় 11TC, TEX4183 chưa chuyển điểm	GDĐCBB:45;CSKTCBB:17;TCI:4;TCII:0;CSNB:B:18;CNBB:49.5;TC:0;
114	20080889	Trần	Văn	Hải	09/02/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	2	160	Đạt	true(7<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;CH3310:Hóa phân tích 2 (TN);CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:36;CNBB:35;TCI:11;TCII:6;TC:2 ;
115	20083324	Trịnh	Thanh	Hải	19/10/1990	571	Máy chính xác K53	Cơ khí chính xác & quang học-2008	KCK	53	625273	1.92	156.5	Không đạt	10<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;ME2030:Cơ khí đại cương;ME4143:Đồ án Máy chính xác;ME4133:Thiết bị đo trong chế tạo cơ khí;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:48.5;CNBB:19;TCI:12;TCII:10;

116	20083325	Hoàng	Duy	Hạnh	15/05/1990	571	CN Polyme K53	Polyme 2008	KCNHH	53	67896	2.01	150	Không đạt	17<8	SSH1120:Những NLCB của CNML II;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3430:Quá trình và thiết bị CNHH 4;CH3440:Đồ án ...	GDĐCBB:37;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:29;TCI:9;TCII:10;
117	20071047	Nguyễn	Đức	Hạnh	27/11/1989	571	Chế tạo máy 7 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.91	160.5	Đạt	true(8<8)	CH1010:Hoá học đại cương;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME4232:Đồ án thiết kế dụng cụ cắt;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:44.5;CNBB:29;TCI:12;TCII:10;
118	20080904	Phạm	Hồng	Hạnh	12/01/1990	571	Máy & TB Nhiệt - Lạnh K53	Máy & TB NL 2008	VKHVCNNL	53	625655	1.96	162	Đạt	true(5<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;ME3050:Sức bền vật liệu II;HE4013:Hệ thống cung cấp nhiệt;	GDĐCBB:43;CSNB B:74;CNBB:21;TCI:1;TCII:19;
119	20080893	Lợi	Quang	Hào	21/08/1990	571	Điện tử 9 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	2.13	163	Đạt	true(4<8)	ET3030:Lý thuyết mạch;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:63;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:3;TCCD2:0;TCCD3:7;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
120	20071056	Đỗ	Thế	Hậu	02/02/1988	571	SPKT Điện tử K52	Sư phạm kỹ thuật Điện tử-2007	KSPKT	52	68244	1.9	123	Không đạt	14<8	PH1020:Vật lý đại cương II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;ET3010:Toán kỹ thuật;ET3050:Lý thuyết thông tin ;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:19;CSNB B:12;CNBB:36;TC:11;
121	20080909	Nguyễn	Đặng	Hậu	18/05/1990	571	Vật liệu và công nghệ Đức K53	Vật liệu và CN Đức 2008	KKHVCNVL	53	625967	1.99	155	Không đạt	10<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;PH1020:Vật lý đại cương II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;MSE4460:Công nghệ nấu luyện hợp kim;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:22;CSNB B:38;CNKLB:22;CNBB:11;TC:17;
122	20080910	Phạm	Xuân	Hậu	16/02/1990	571	Sản phẩm chất dẻo K53	CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2008	KCK	53	625273	2.06	156	Không đạt	11.5<8	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3130:Đồ án chi tiết máy;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:41;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
123	20071155	Lại	Đức	Hiệp	25/07/1989	571	CN Phần mềm K52	Công nghệ Phần mềm-2007	KCNTT	52	67977	2.41	167	Đạt	true(5<8)	IT3900:Thực tập cơ sở;IT4460:Phân tích yêu cầu phần mềm;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:32;CNBB:33;TC:5;TCI:6;TCII:16;
124	20071158	Lưu	Văn	Hiệp	03/06/1989	571	Điện tử Y sinh K52	Điện tử Y sinh-2007	KDVT	52	625598	2.04	167	Đạt	true(2<8)	ME2020:Vẽ kỹ thuật ;	GDĐCBB:46;CSNB B:86;CNBB:12;TC:19;
125	20080991	Phạm	Tuấn	Hiệp	10/10/1990	571	Kỹ thuật thực phẩm K53	Kỹ thuật thực phẩm 2008	VCNSHVTP	53	625681	2.07	160	Đạt	true(8<8)	SSH1120:Những NLCB của CNML II;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;BF3120:Quá trình và thiết bị sinh học ;	GDĐCBB:37;CSKTCBB:25;CSNB B:72;CNBB:4;TCI:14;TCII:4;
126	20080993	Tạ	Văn	Hiệp	27/08/1990	571	Điện tử 6 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	2.13	157	Đạt	13-3<8	Xét cho nhận ĐATN, tay, do chuyển ET3260.3261 CHO et3160, đky đủ 10TC kỳ 20131	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:60;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:0;TCCD3:7;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
127	20080927	Bùi	Văn	Hiếu	07/04/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.44	158	Đạt	true(0<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
128	20083333	Nguyễn	Trung	Hiếu	27/09/1990	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	2.4	162	Đạt	true(5<8)	MIL1013:Quân sự chung;CH3200:Hóa hữu cơ 1 (KTHH);CH3210:Hóa hữu cơ 2 (KTHH);	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:37;CNBB:36;TCI:13;TCII:6;
129	20083334	Phạm	Công	Hiếu	28/03/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	2.07	169	Đạt	true(0<8)	MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:35;TCI:13;TCII:6;TC:2;
130	20086239	Đỗ	Duy	Hiệu	29/12/1986	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán (CH) 2008	KKTVQL	53	625544	2.24	161	Không đạt	8.5<8	Mi3140:Toán kinh tế;EM3001:Thực tập cơ bản (Xưởng cơ);	GDĐCBB:0;CSNB B:29;CNBB:41;TC:16;
131	20081010	Đặng	Văn	Hoà	13/07/1990	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán 2008	KKTVQL	53	625544	2.45	162.5	Đạt	true(2<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;EM4525:Kiểm toán ;	GDĐCBB:25;CSKTCBB:44;CSNB B:33.5;CNBB:38;TC:18;
132	20081016	Lý	Văn	Hoà	07/01/1990	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán 2008	KKTVQL	53	625544	2.29	157.5	Đạt	true(8<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;SSH1110:Những NLCB của CNML I;CH1010:Hoá học đại cương;ME2010:Hình học họa hình;	GDĐCBB:22;CSKTCBB:39;CSNB B:33.5;CNBB:40;TC:19;
133	20081018	Nguyễn	Văn	Hoà	02/12/1990	571	Kinh tế năng lượng K53	Kinh tế năng lượng 2008	KKTVQL	53	625294	2	162.5	Đạt	true(3<8)	MIL1013:Quân sự chung;ME2040:Cơ học kỹ thuật;HE4050:Quá trình và thiết bị nhiệt;	GDĐCBB:43;CSNB B:52.5;CNBB:41;TC:22;
134	20081024	Văn	Đặng	Hoà	19/08/1990	571	Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy K53	Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy-2008	VCKDL	53	625162	2.03	149	Không đạt	19.5<8	ME3090:Chi tiết máy;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3120:Kỹ thuật điều khiển tự động;ME3087:Kỹ thuật thủy khí A;ME3110:Vật liệu chất dẻo và composite;ME4540:Cơ học kết cấu;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:23;CSNB B:33;CNBB:26;TCI:10;TCII:10;
135	20083339	Nguyễn	Đình	Hoàn	10/11/1990	571	Hệ thống điện 1 K53	Hệ thống điện 2008	KD	53	625061	2.01	160	Không đạt	9<8	Mi2020:Xác suất thống kê;EE3281:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE4110:Bảo vệ hệ thống điện;	GDĐCBB:37;CSKTCBB:22;CSNB B:53;CNBB:28;TC:16;
136	20081055	Nguyễn	Huy	Hoàng	10/08/1990	571	Kỹ thuật đo K53	Kỹ thật đo 2008	KD	53	625060	2.16	163	Đạt	true(3<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;EE3282:Lý thuyết điều khiển tự động I;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:56;CNBB:25;TC:16;
137	20081057	Nguyễn	Huy	Hoàng	20/10/1990	571	Hệ thống điện 2 K53	Hệ thống điện 2008	KD	53	625061	2.08	174	Đạt	true(8<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;EE3281:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE3410:Điện tử công suất;	GDĐCBB:37;CSKTCBB:25;CSNB B:50;CNBB:32;TC:11;
138	20081062	Nguyễn	Minh	Hoàng	01/10/1990	571	Máy hoá K53	Máy & TBHC dầu khí-2008	KCNHH	53	626178	1.73	149	Đạt	17-10<8	Xét cho nhận ĐATN, tay, do chuyển tđCH3080,CH3060,CH3122,CH3223 cho CH3001,3011,3121,3221 tổng là 10TC	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:30;CNBB:36;TCI:6;TCII:10;
139	20081065	Nguyễn	Quý	Hoàng	01/10/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	2.51	159	Đạt	true(3<8)	PE1030:Giáo dục thể chất C;CH1010:Hoá học đại cương;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:33;TC:2;TCI:4;TCII:6;TCIIA:2;TCIIB:6;
140	20083349	Phạm	Ngọc	Hoàng	07/02/1990	571	Tự động hoá 1 K53	Tự động hoá XHCN 2008	KD	53	625063	1.98	159	Đạt	true(8<8)	MIL1013:Quân sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;EE3072:Kỹ thuật điện tử số ;EE4305:Đồ án điều khiển logic ;EE4307:Đồ án tổng hợp hệ điều khiển điện cơ ;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:19;CSNB B:56;CNBB:24;TC:16;
141	20041340	Trần	Đình	Huân	NULL	571	Kỹ thuật năng lượng 2 K52	Kỹ thuật Năng lượng-2007	VKHVCNNL	52	625654	1.74	157	Không đạt	9<8	HE3013:Nhiệt động kỹ thuật;HE3023:Truyền nhiệt;HE5011:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:46;CSNB B:69;CNBB:24;TC:18;
142	20081192	Đặng	Nam	Hùng	19/04/1990	571	Toán Tin 2 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	2.1	160.5	Đạt	true(6<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:17;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:8;TCI:10;
143	20081193	Đặng	Tuấn	Hùng	29/03/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.14	161	Đạt	9-6<8	Xét cho nhận ĐATN, tay, do chuyển CH3220,CH3230 cho CH3200,CH3210	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:37;CNBB:32;TCI:16;TCII:6;TC:2;
144	20081195	Đỗ	Văn	Hùng	11/08/1990	571	Ô tô và Xe chuyên dụng K53	Ô tô và xe chuyên dụng-2008	VCKDL	53	625162	2.08	160.5	Đạt	true(6.5<8)	Mi1040:Phương trình vi phân và chuỗi;ME3130:Đồ án chi tiết máy;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:22;CSNB B:39;CNBB:36.5;TCI:11;TCII:7;

145	20081197	Hoàng	Mạnh	Hùng	20/03/1990	571	Kỹ thuật sinh học K53	Kỹ thuật sinh học 2008	VCNSHVTP	53	625677	1.99	161	Đạt	true(7<8)	MI2020:Xác suất thống kê;CH3411:Quá trình và thiết bị CNHH 2 (CNSH & TP);CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;BF5050:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:62;CNBB:15;TC:19;
146	20081199	Hoàng	Việt	Hùng	29/12/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	1.82	141	Không đạt	17<8	FL1010:Tiếng Anh I;FL1020:Tiếng Anh II;FL2010:Tiếng Anh KHKT;FL3101:Tiếng Anh CN CN Thông tin I;IT3040:Kỹ thuật lập trình;IT4390:Đồ án môn học: Thiết kế và phát triển phần mềm;IT5000:Thực tập tốt n...	GDĐCBB:37;CSKTCBB:23;CSNB B:31;CNBB:33;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:3;
147	20081205	Mai	Đức	Hùng	01/07/1990	571	Marketing K53	Marketing 2008	KKTVQL	53	625541	2.42	167.5	Đạt	true(0<8)	MIL1013:Quản sự chung;MSE3230:Vật liệu thương phẩm;	GDĐCBB:43;CSNB B:57;CNBB:33.5;TC:30;
148	20071410	Nguyễn	Ngọc	Hùng	10/12/1989	571	CN Vật liệu Silicat K52	Công nghệ Vật liệu Silicat-2007	KCNHH	52	67898	1.99	164	Đạt	true(7<8)	SSH1010:Triết học Mác-Lênin;MI1030:Đại số;	GDĐCBB:39;CSKTCBB:25;CSNB B:42;CNBB:35;TC:2;TCI:11;TCII:8 ;
149	20081225	Nguyễn	Văn	Hùng	06/05/1990	571	KSCLC Cơ khí hàng không K53	KSCLC Cơ khí hàng không 2008	TTDTTN	53	625964	2.11	212	Không đạt	17<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quản sự chung;IT3014:Cấu trúc dữ liệu và GT;EE3286:Lý thuyết điều khiển;FL1405:Tiếng Pháp KSCLC 5;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;TE5850:Phương pháp số tr...	CNBB:208;
150	20081227	Nguyễn	Văn	Hùng	10/06/1990	571	Kỹ thuật sinh học K53	Kỹ thuật sinh học 2008	VCNSHVTP	53	625677	2.18	169	Đạt	true(4<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quản sự chung;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;BF3460:Kỹ thuật đo lường và điều khiển quá trình công nghệ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:62;CNBB:15;TC:20;
151	20081230	Nguyễn	Văn	Hùng	19/07/1990	571	Chế tạo máy 4 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	1.88	163	Đạt	true(4.5<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;ME3090:Chi tiết máy;ME4152:Kỹ thuật ma sát;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:45;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
152	20086095	Trần	Mạnh	Hùng	18/12/1989	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính (CH) 2008	KCNTT	53	67977	2.4	153	Không đạt	14<8	FL3101:Tiếng Anh CN CN Thông tin I;IT3010:Cấu trúc dữ liệu và giải thuật;IT3030:Kiến trúc máy tính;IT3050:Tiếng Anh chuyên ngành;IT4170:Xử lý tín hiệu số;	GDĐCBB:0;CSNB B:33;CNBB:31;TC:2;TCI:4;TCII:4;TCIIA:2;TCIIB:6 ;
153	20081343	Nguyễn	Đình	Hữu	03/03/1990	571	Kỹ thuật y sinh K53	Kỹ thuật y sinh 2008	KDVT	53	625598	2.11	155	Không đạt	12<8	MIL1011:Đường lối quân sự;ET3030:Lý thuyết mạch;ET3040:Trường điện từ ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:59;CNBB:12;TC:15;
154	20081346	Trần	Đức	Hữu	24/04/1990	571	Hệ thống điện 1 K53	Hệ thống điện 2008	KD	53	625061	1.93	154	Không đạt	13<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quản sự chung;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EE3281:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE4110:Bảo vệ hệ thống điện;	GDĐCBB:34;CSKTCBB:25;CSNB B:53;CNBB:28;TC:10;
155	20081125	Đỗ	Đức	Huy	25/10/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.05	159	Đạt	true(6<8)	MI1040:Phương trình vi phân và chuỗi;IT4170:Xử lý tín hiệu số;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:23;CSNB B:38;CNBB:33;TC:4;TCI:6;TCII:8;
156	20081133	Lê	Quang	Huy	25/03/1989	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.48	172	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
157	20081139	Lương	Văn	Huy	26/12/1990	571	Sản phẩm chất dẻo K53	CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2008	KCK	53	625273	2.3	155.5	Không đạt	15<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;SSH1120:Những NLCB của CNML II;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3060:Nguyên lý máy;ME4086:Thiết bị đúc phun chất dẻo;ME4106:Thiết kế khuôn;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:40.5;CNBB:25;TCI:10;TCII:14;
158	20071324	Ngô	Anh	Huy	08/04/1989	571	Khoa học máy tính K52	Khoa học Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.51	161	Đạt	true(6<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:37;TC:4;TCI:4;TCII:6;
159	20081148	Nguyễn	Quang	Huy	18/11/1987	571	Cơ điện tử B K53	Cơ điện tử-CTB-2008	KCK	53	625273	2.08	160	Đạt	true(6.5<8)	MIL1013:Quản sự chung;EE2010:Kỹ thuật điện;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:47;CNBB:27;TCI:12;TCII:8;
160	20081154	Nguyễn	Thế	Huy	18/12/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.27	159	Đạt	true(2<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;IT3060:Toán chuyên đề;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:36;CNBB:35;TC:6;TCI:6;TCII:8;
161	20071337	Phạm		Huy	11/08/1989	571	Toán tin 2 K52	Toán-Tin-2007	KTTD	52	68179	2.05	161.5	Đạt	true(8<8)	PE1030:Giáo dục thể chất C;ME2030:Cơ khí đại cương;MI3110:Kiến trúc máy tính và hợp ngữ;MI4070:Cơ sở toán học của hệ mở;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:18;CSNB B:38;CNBB:37.5;TC:8;TCI:10;
162	20081164	Trần	Đức	Huy	19/05/1990	571	Máy và Tự động thủy khí K53	Máy tự động thủy khí-2008	VCKDL	53	625162	1.97	144	Không đạt	21.5<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quản sự chung;SSH1120:Những NLCB của CNML II;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;PH1010:Vật lý đại cương I;PH1020:Vật lý đại cương II;ME3120:Kỹ thuật điều khi...	GDĐCBB:29;CSKTCBB:22;CSNB B:43;CNBB:28;TCI:10;TCII:8;
163	20041389	Trần	Mạnh	Huy	NULL	571	Cơ học BD và Cán KL K52	Cơ học vật liệu và Cán kim loại-2007	KKHVCNVL	52	625966	1.94	160	Đạt	true(8<8)	PE1030:Giáo dục thể chất C;MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;PH1020:Vật lý đại cương II;ME2040:Cơ học kỹ thuật;CH3123:Hóa vô cơ;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:22;CSNB B:39;CNBB:35;TC:18;
164	20081176	Hoàng	Thị Thu	Huyền	02/09/1989	571	Máy & TB Nhiệt - Lạnh K53	Máy & TB NL 2008	VKHVCNNL	53	625655	2.35	161	Đạt	true(7<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;ME2040:Cơ học kỹ thuật;	GDĐCBB:43;CSNB B:72;CNBB:23;TCI:2;TCII:17;
165	20081178	Nguyễn	Thị	Huyền	24/09/1990	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	2.28	162	Đạt	true(5<8)	MIL1013:Quản sự chung;CH3200:Hóa hữu cơ 1 (KTHH);CH3210:Hóa hữu cơ 2 (KTHH);	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:37;CNBB:36;TCI:13;TCII:6;
166	20081253	Bùi	Văn	Hưng	17/07/1990	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	1.77	152	Không đạt	15<8	MIL1013:Quản sự chung;CH3200:Hóa hữu cơ 1 (KTHH);CH3210:Hóa hữu cơ 2 (KTHH);CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:31;CNBB:36;TCI:9;TCII:6;
167	20081269	Lê	Đình	Hưng	28/02/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	1.89	144	Không đạt	14<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;FL1010:Tiếng Anh I;FL1020:Tiếng Anh II;FL2010:Tiếng Anh KHKT;ME2020:Vẽ kỹ thuật ;FL3101:Tiếng Anh CN CN Thông tin I;IT3900:Thực tập cơ sở;IT5000:Thực tập tốt ...	GDĐCBB:37;CSKTCBB:22;CSNB B:30;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
168	20051623	Lê	Việt	Hưng	NULL	571	Hoá lý K52	Công nghệ Hoá lý-2007	KCNHH	52	625049	1.86	163	Đạt	true(7<8)	ME2020:Vẽ kỹ thuật ;CH3400:Quá trình và thiết bị CNHH I;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:23;CSNB B:37;CNBB:32;TCI:13;TCII:10;
169	20071466	Nguyễn	Ngọc	Hưng	09/11/1989	571	IS2 K52	CNTT Việt-Nhật - IS 2007	BDHDADTCVT	52	67975	2.69	191	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:56;CSKTCBB:38;CSNB B:92;CNBB:3;
170	20071474	Nguyễn	Thành	Hưng	20/12/1989	571	Điện tử Y sinh K52	Điện tử Y sinh-2007	KDVT	52	625598	2.14	166	Đạt	true(4<8)	ET3030:Lý thuyết mạch;	GDĐCBB:46;CSNB B:84;CNBB:12;TC:20;
171	20071483	Nguyễn	Văn	Hưng	29/09/1989	571	Kỹ thuật máy tính K52	Kỹ thuật Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.29	163	Đạt	true(6<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:33;TC:0;TCI:4;TCII:6;TCIIA:2;TCIIB:2;

172	20081310	Trần	Quốc	Hưng	17/08/1990	571	Cơ điện tử A K53	Cơ điện tử-CTA-2008	KCK	53	625273	2.1	163.5	Đạt	true(0<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:48.5;CNBB:27;TCI:12;TCII:11;
173	20071491	Vàng	Thế	Hưng	25/10/1989	571	Chế tạo máy 5 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.77	161.5	Không đạt	10<8	HE2010:Kỹ thuật nhiệt;MI2010:Phương pháp tính;ME3120:Kỹ thuật điều khiển tự động;ME3050:Sức bền vật liệu II;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:17;CSNB B:43.5;CNBB:31;TCI:10;TCII:10;
174	20071502	Phạm	Thị	Hương	01/11/1989	571	Hoá Dầu 1 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	1.88	153	Không đạt	11<8	PE1030:Giáo dục thể chất C;ME2040:Cơ học kỹ thuật;CH3110:Hóa vô cơ 2 (KTHH);MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:34;CNBB:36;TC:2;TCI:5;TCII:6;
175	20081440	Hoàng	Trung	Kiên	11/06/1990	571	Toán Tin 1 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	2.23	151.5	Đạt	13-8<8	Xét cho nhận ĐATN, tay do chuyển tở MI3350,3360 cho MI3030 và MI3320,3330 cho MI3050	GDĐCBB:43;CSKTCBB:16;CSNB B:33;CNBB:40.5;TC:7;TCI:12;
176	20081442	Kiều	Xuân	Kiên	11/01/1991	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán 2008	KKTVQL	53	625544	2.51	168.5	Đạt	true(0<8)	MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCBB:25;CSKTCBB:43;CSNB B:33.5;CNBB:40;TC:23;
177	20071622	Phạm	Hùng	Kiên	25/03/1989	571	Điện tử Y sinh K52	Điện tử Y sinh-2007	KDVT	52	625598	2.31	167	Đạt	true(3<8)	ET3030:Lý thuyết mạch;	GDĐCBB:46;CSNB:85;CNBB:12 ;TC:20;
178	20086097	Phạm	Trung	Kiên	11/06/1987	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính (CH) 2008	KCNTT	53	67977	2.41	159	Đạt	true(8<8)	IT3060:Toán chuyên đề;IT4170:Xử lý tín hiệu số;	GDĐCBB:0;CSNB:41;CNBB:31; TC:2;TCI:4;TCII:2;TCIA:2;TCIB:6 ;
179	20071630	Trần	Duy	Kiên	05/04/1989	571	Ô tô A K52	Ô tô và xe chuyên dụng-2007	VCKDL	52	625162	1.75	164.5	Đạt	true(5.5<8)	ME2010:Hình học họa hình;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:20;CSNB B:40;CNBB:36.5;TCI:13;TCII:5;
180	20083631	Lean		KimLeang	05/09/1986	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	1.88	162	Đạt	true(3<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:35;TC:6;TCI:6;TCII:8;
181	20061737	Nguyễn	Bá	Kỳ	29/03/1988	571	Điều khiển TĐ 2 K52	Điều khiển tự động-2007	KD	52	625059	1.88	163	Đạt	true(7<8)	MI1010:Giải tích I;MI2010:Phương pháp tính;EE4407:Thiết kế hệ thống điều khiển tự động;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:17;CSNB B:59;CNBB:23;TC:17;
182	20081353	Đỗ	Đình	Khang	15/10/1990	571	IS1 K53	CNTT Việt-Nhật - IS 2008	BDHADATCVT	53	67975	2.26	179	Đạt	true(3<8)	IT3012:Lập trình C (nâng cao);SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;	GDĐCBB:54;CSKTCBB:35;CSNB B:85;CNBB:3;
183	20081354	Nguyễn	Trọng	Khang	21/10/1990	571	Động cơ đốt trong K53	Động cơ đốt trong-2008	VCKDL	53	625162	1.95	148	Không đạt	18.5<8	MI2010:Phương pháp tính;MI2020:Xác suất thống kê;ME3080:Kỹ thuật thủy khí;ME4180:Lý thuyết ĐCĐT;ME4200:Lý thuyết và kết cấu ô tô;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:17;CSNB B:45;CNBB:22;TC:17;
184	20081359	Nguyễn	Duy	Khanh	27/07/1990	571	Công nghệ phần mềm K53	Công nghệ phần mềm 2008	KCNTT	53	67977	2.36	168	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:34;TC:6;TCI:6;TCII:15 ;
185	20081378	Nguyễn	Hữu	Khánh	15/05/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.43	162	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIA:6;TCIB:6;
186	20061674	Vũ	Trần	Khoa	27/03/1988	571	Máy và TB Nhiệt lạnh 1 K52	Máy và Thiết bị Nhiệt-Lạnh-2007	VKHVCNNL	52	625655	1.75	154	Không đạt	12<8	HE4024:Đồ án kỹ thuật lạnh;HE4014:Kỹ thuật lạnh;HE4054:Điều hòa không khí;HE5012:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:46;CSNB:73;CNBB:15 ;TC:20;
187	20081419	Trần	Đình	Khôi	27/12/1990	571	Quản trị doanh nghiệp K53	Quản trị doanh nghiệp 2008	KKTVQL	53	625538	1.97	160.5	Đạt	true(7<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;MI1020:Giải tích II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCBB:40;CSNB:55.5;CNBB: 39;TC:22;
188	20081427	Lê	Văn	Khướu	10/05/1990	571	Kỹ thuật năng lượng K53	Kỹ thuật năng lượng 2008	VKHVCNNL	53	625654	2.42	140	Không đạt	26<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;SSH1110:Những NLCB của CNML I;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;SSH1050:Tư tưởng HCM;PH1010:Vật lý đại cương I;IT1010:Tin học đại cương;ME3130...	GDĐCBB:29;CSNB:69;CNBB:20 ;TC:1;TCII:17;
189	20081473	Phan	Văn	Lành	10/08/1990	571	Máy và Tự động thủy khí K53	Máy tự động thủy khí-2008	VCKDL	53	625162	2.08	166	Đạt	true(0<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:48;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
190	20081504	Nguyễn	Văn	Lập	30/12/1990	571	Gia công áp lực K53	Gia công áp lực-2008	KCK	53	625273	2.07	148.5	Không đạt	18<8	MIL1013:Quân sự chung;MI1030:Đại số;MI1020:Giải tích II;CH1010:Hoá học đại cương;EE2010:Kỹ thuật điện;ME3060:Nguyên lý máy;	GDĐCBB:34;CSKTCBB:19;CSNB B:44.5;CNBB:27;TCI:10;TCII:10;
191	20081506	Vũ	Đức	Lập	20/12/1985	571	Chế tạo máy 1 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	1.76	158.5	Đạt	true(4<8)	MIL1013:Quân sự chung;ME4152:Kỹ thuật ma sát;ME4222:Thiết kế dụng cụ cắt;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:48.5;CNBB:27;TCI:10;TCII:8;
192	20071658	Dương	Tùng	Lâm	30/12/1989	571	Máy và TB Nhiệt lạnh 2 K52	Máy và Thiết bị Nhiệt-Lạnh-2007	VKHVCNNL	52	625655	2.36	165	Đạt	true(5<8)	ME3130:Đồ án chi tiết máy;HE4093:Đồ án kỹ thuật sấy;	GDĐCBB:46;CSNB:74;CNBB:23 ;TC:18;
193	20081478	Đào	Trường	Lâm	12/12/1990	571	Động cơ đốt trong K53	Động cơ đốt trong-2008	VCKDL	53	625162	2.34	167	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:49;CNBB:30;TC:19;
194	20081485	Hoàng	Son	Lâm	02/02/1990	571	KTHN&Vật lý môi trường K53	Kỹ thuật Hạt nhân & Vật lý Môi trường-2008	VKTHNVVLM	53	626114	2.24	143	Đạt	true(8<8)	CH1010:Hoá học đại cương;MI2020:Xác suất thống kê;FL2010:Tiếng Anh KHK;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:20;CSNB B:55;CNBB:6;TCI:7;TCII:11;
195	20061759	Nguyễn	Trọng	Lâm	25/04/1987	571	Quản trị Tài chính K52	Quản trị Tài chính-Kế toán-2007	KKTVQL	52	625544	2.01	164.5	Đạt	true(3<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCBB:46;CSNB:52.5;CNBB: 42;TC:20;
196	20081489	Nguyễn	Văn	Lâm	18/10/1990	571	Hóa dưng K53	Hữu cơ hoá dưng 2008	KCNHH	53	626256	2.22	169	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:33;TCI:13;TCII:10;
197	20076154	Nguyễn	Xuân	Lâm	17/09/1986	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	2.49	159	Đạt	true(0<8)		CSNB:34;CNBB:35;TCI:2;TCII:6; TCIA:6;TCIB:6;
198	20061763	Tạ	Văn	Lâm	30/01/1984	571	CN In K52	Công nghệ In-2007	KCNHH	52	626223	1.69	169	Không đạt	9<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;FL3108:Tiếng Anh chuyên ngành CN Hóa - Sinh;CH4670:Kỹ thuật và thiết bị gia công sau in;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:33;CNBB:38;TCI:13;TCII:8;
199	20083588	Hà	Thị Mai	Linh	08/02/1989	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán 2008	KKTVQL	53	625544	2.21	158.5	Đạt	true(8<8)	MI1020:Giải tích II;CH1010:Hoá học đại cương;	GDĐCBB:22;CSKTCBB:41;CSNB B:33.5;CNBB:41;TC:17;
200	20081540	Nguyễn	Tài	Linh	07/02/1990	571	Cơ điện tử 3 (C) K53	Cơ điện tử-CTC-2008	KCK	53	625273	1.86	162	Đạt	true(5.5<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;CH1010:Hoá học đại cương;ME3130:Đồ án chi tiết máy;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:46;CNBB:26;TCI:14;TCII:10;
201	20081541	Nguyễn	Thế	Linh	13/08/1990	571	CN Polyme K53	Polyme 2008	KCNHH	53	67896	2.21	161	Đạt	true(6<8)	CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:29;TCI:11;TCII:10;
202	20086185	Trịnh	Quốc	Linh	20/08/1989	571	Kỹ thuật gang thép K53	KT gang thép (CH) 2008	KKHVCNV	53	68235	2.61	158.5	Đạt	9.5-4<8	Xét cho nhận ĐATN , tay, do chuyển 4tc tở MSE2030,2020 cho 4100,3040	GDĐCBB:0;CSNB:32.5;CNLBB :22;CNBB:13;TC:16;
203	20081566	Nguyễn	Viết	Lĩnh	18/01/1989	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán 2008	KKTVQL	53	625544	2.02	163.5	Đạt	true(0<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;EM4525:Kiểm toán ;	GDĐCBB:25;CSKTCBB:44;CSNB B:33.5;CNBB:37;TC:20;
204	20062004	Phạm	Văn	Lợi	02/03/1987	571	Thực Phẩm 1 K52	Công nghệ Thực phẩm-2007	VCONSHVTP	52	625681	1.82	152	Không đạt	19<8	SSH1040:CNXH khoa học;MI1020:Giải tích II;CH1010:Hoá học đại cương;MI2010:Phương pháp tính;EE2010:Kỹ thuật điện;ET2010:Kỹ thuật điện tử;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCBB:38;CSKTCBB:14;CSNB B:74;CNBB:4;TCI:14;TCII:4;

205	20071762	Hà	Minh	Long	29/03/1989	571	Khoa học máy tính K52	Khoa học Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.05	155	Đạt	true(8<8)	IT4110:Tính toán khoa học;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:34;TC:2;TCI:4;TCII:9;
206	20081591	Nguyễn	Hoàng	Long	29/09/1990	571	Kỹ thuật đo K53	Kỹ thật đo 2008	KD	53	625060	1.94	156	Không đạt	12<8	EE3010:Lý thuyết mạch điện I;EE3282:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE3410:Điện tử công suất;EE4417:Tự động hoá quá trình công nghệ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:49;CNBB:23;TC:18;
207	20071788	Nguyễn	Ngọc	Long	10/11/1988	571	Polime K52	Công nghệ Vật liệu Polyme-Compozit-2007	KCNHH	52	67896	2.05	163	Đạt	true(7<8)	SSH1010:Triết học Mác-Lênin;SSH1050:Tư tưởng HCM;PE1030:Giáo dục thể chất C;CH3010:Hóa lý 2 (Nhiệt động hóa học);	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:32;TCI:13;TCII:10;
208	20081598	Nguyễn	Thành	Long	19/12/1990	571	CN Xenluloza-Giấy K53	Xenluloza-Giấy 2008	KCNHH	53	625986	2.27	166	Đạt	true(2<8)	MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:32;TCI:14;TCII:10;
209	20081614	Thiều	Văn	Long	08/05/1990	571	CN Polyme K53	Polyme 2008	KCNHH	53	67896	2.18	165	Đạt	true(2<8)	MIL1013:Quân sự chung;CH3320:Phương pháp phân tích bằng công cụ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:29;TCI:13;TCII:10;
210	20081671	Hoàng	Trọng	Lực	11/03/1990	571	Kỹ thuật y sinh K53	Kỹ thuật y sinh 2008	KDVT	53	625598	1.85	155	Không đạt	12<8	SSH1050:Tư tưởng HCM;MIL1011:Đường lối quân sự;MI1010:Giải tích I;ET3030:Lý thuyết mạch;ET3110:Kỹ thuật vi xử lý;	GDĐCBB:38;CSKTCBB:22;CSNB B:60;CNBB:12;TC:19;
211	20081676	Nguyễn	Văn	Lực	30/10/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.36	160	Đạt	true(5<8)	IT3110:Linux và phần mềm nguồn mở;IT4720:Đồ án môn học: Xây dựng các ứng dụng phân tán ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:36;CNBB:34;TC:6;TCI:4;TCII:8;
212	20081677	Phan	Thế	Lực	28/03/1987	571	Chế tạo máy 2 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	1.73	153	Không đạt	13.5<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;PE1030:Giáo dục thể chất C;ME3050:Sức bền vật liệu II;ME4232:Đồ án thiết kế dụng cụ cắt;ME4162:Đồ án Máy ;ME4152:Kỹ thuật ma sát;ME4222:Thi...	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:47;CNBB:22;TCI:10;TCII:5;
213	20081653	Đỗ	Xuân	Luyện	27/04/1989	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	1.84	161	Đạt	true(7<8)	PE1030:Giáo dục thể chất C;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;EE2010:Kỹ thuật điện;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:43;CNBB:36;TCI:9;TCII:6;
214	20081667	Vũ	Thanh	Lượng	25/12/1987	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	1.92	141	Không đạt	24<8	SSH1120:Những NLCB của CNML II;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;IT3060:Toán chuyên đề;IT4590:Lý thuyết thông tin;IT4650:Thiết kế mạng Intranet;IT4990:T...	GDĐCBB:37;CSKTCBB:25;CSNB B:36;CNBB:25;TC:6;TCI:2;TCII:6;
215	20081658	Nguyễn	Đặng	Lương	14/04/1990	571	Máy hoá K53	Máy & TBHC dầu khí-2008	KCNHH	53	626178	1.61	150	Không đạt	18<8	ME3170:Công nghệ chế tạo máy;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1013:Quân sự chung;CH3221:Hóa hữu cơ (máy hoá);CH3311:Hóa phân tích 2 (máy v à thiết bị hoá chất);ME3010:Cơ học kỹ thuật II;CH4622:Thự...	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:34;CNBB:34;TCI:8;TCII:10;
216	20081660	Nguyễn	Văn	Lương	14/07/1990	571	CN & QL Môi trường K53	CN & QL Môi trường 2008	VKHVCNMT	53	626021	1.87	149	Không đạt	16<8	PH1010:Vật lý đại cương I;EE2010:Kỹ thuật điện;EV3110:Quá trình truyền nhiệt trong CNMT;EV3170:Vi sinh môi trường;	GDĐCBB:39;CSKTCBB:59;CSNB B:30;TC:17;
217	20081692	Lê	Minh	Mạnh	09/12/1990	571	Công nghệ phần mềm K53	Công nghệ phần mềm 2008	KCNTT	53	67977	2.5	168	Đạt	true(0<8)	MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:34;TC:6;TCI:6;TCII:15 ;
218	20071904	Lương	Đạt	Mạnh	01/07/1988	571	Hoá Dầu 1 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	1.73	160	Đạt	true(6<8)	CH3400:Quá trình và thiết bị CNHH I;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH5001:Thực tập tốt nghiệp (Hữu cơ hoá dầu);	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:36;CNBB:36;TC:2;TCI:9;TCII:6;
219	20071913	Nguyễn	Đức	Mạnh	30/11/1989	571	Điện tử 3 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	2.04	159	Không đạt	10<8	ET3110:Kỹ thuật vi xử lý;ET4230:Mạng máy tính;ET4270:Kiến trúc máy tính;	GDĐCBB:46;CSNBB:84;CNBB:7;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:7;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:3;TC:8;
220	20081709	Phạm	Văn	Mạnh	08/07/1990	571	Công nghệ phần mềm K53	Công nghệ phần mềm 2008	KCNTT	53	67977	2.59	166	Đạt	true(2<8)	MIL1013:Quân sự chung;IT3060:Toán chuyên đề;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:33;CNBB:34;TC:6;TCI:6;TCII:15 ;
221	20081719	Bùi	Quang	Minh	29/07/1990	571	Máy chính xác K53	Cơ khí chính xác & quang học-2008	KCK	53	625273	2.1	142	Không đạt	20.5<8	CH1010:Hoá học đại cương;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME4053:KT chân không và CN bề mặt;ME4133:Thiết bị đo trong chế tạo cơ khí;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:20;CSNB B:48;CNBB:18;TCI:8;TCII:8;
222	20071940	Hà	Quang	Minh	17/03/1989	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	2.27	165	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
223	20081723	Hoàng	Đình	Minh	09/09/1990	571	Điều khiển tự động 1 K53	Điều khiển tự động 2008	KD	53	625059	2.12	157	Không đạt	10<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;SSH1050:Tư tưởng HCM;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EE4407:Thiết kế hệ thống điều khiển tự động;	GDĐCBB:38;CSKTCBB:16;CSNB B:59;CNBB:23;TC:17;
224	20081725	Lê	Hồng	Minh	15/05/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 1 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	1.9	158	Không đạt	9<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;CH3310:Hóa phân tích 2 (TN);CH4008:Công nghệ chế biến khí;CH4018:Hóa học và công nghệ chế biến than;CH4022:Thực tập nhận thức;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:28;TCI:13;TCII:6;TC:0 ;
225	20081742	Nguyễn	Hoàng	Minh	26/04/1990	571	Điện tử 5 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	1.9	157	Đạt	10-7<8	Xét cho nhận ĐATN, tay , do chuyên tđ 7TC môn ET4040, ET3300,3301 cho ET4270,ET3110	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:63;CNBB:10;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:7;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:3;TC:8;
226	20071960	Nguyễn	Như Anh	Minh	25/09/1989	571	AS1 K52	CNTT Việt-Nhật - AS 2007	BDHDADTCVT	52	67975	2.25	178	Đạt	true(8<8)	PE1020:Giáo dục thể chất B;IT3012:Lập trình C (nâng cao);IT4362:Kỹ nghệ trí thức;IT4442:Giao diện người dùng;JP5020:Tiếng Nhật CN 10;IT5030:Nghiên cứu tốt nghiệp 3;	GDĐCBB:56;CSKTCBB:36;CSNB B:86;CNBB:0;
227	20070912	Nguyễn	Trường	Giang	16/01/1989	571	AS1 K52	CNTT Việt-Nhật - AS 2007	BDHDADTCVT	52	67975	1.96	187	Đạt	true(2<8)	MI2027:Lý thuyết xác suất;	GDĐCBB:54;CSKTCBB:38;CSNB B:90;CNBB:3;
228	20081749	Nguyễn	Thanh	Minh	10/06/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 2 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	1.9	163	Đạt	true(5<8)	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1011:Đường lối quân sự;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:36;TCI:9;TCII:6;TC:2;
229	20081756	Nguyễn	Văn	Minh	04/09/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 2 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	1.89	163	Đạt	true(4<8)	MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:36;TCI:9;TCII:6;TC:2;

230	20086128	Nguyễn	Văn	Minh	28/10/1989	571	Chế tạo máy 4 K53	Công nghệ chế tạo máy (CH)-2008	KCK	53	625273	1.89	67	Không đạt	11<8	ME3160:Thực tập kỹ thuật;ME4202:Công nghệ chế tạo máy II;ME4162:Đồ án Máy ;ME4222:Thiết kế dụng cụ cắt;	GDĐCBB:6;CSKTCBB:2;CSNBB:33;CNBB:12;TCI:8;TCII:2;
231	20071984	Trương	Đức Hoàng	Minh	10/08/1989	571	Kỹ thuật máy tính K52	Kỹ thuật Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.16	167	Đạt	true(2<8)	IT4290:Xử lý tiếng nói;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:31;TC:2;TCI:4;TCII:6;TCIIA:2;TCIIB:6;
232	20062145	Võ	Tuấn	Minh	04/04/1988	571	Thực Phẩm 1 K52	Công nghệ Thực phẩm-2007	VCNSHVTP	52	625681	1.92	165	Đạt	true(6<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;CH3304:Hóa phân tích (CN SH-TP);	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:71;CNBB:4;TCI:11;TCII:4;
233	20071998	Đặng	Hoài	Nam	18/12/1989	571	HT Điện 2 K52	Hệ thống Điện-2007	KD	52	625061	2.09	159	Không đạt	11<8	EE3580:Thực tập xưởng điện;ET3551:Thực tập xưởng vô tuyến;EE4101:Lưới điện I;EE4103:Đồ án lưới điện;EE4106:Phân điện nhà máy điện và trạm biến áp;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:52;CNBB:24;TC:14;
234	20076321	Hồ	Đắc	Nam	28/10/1987	571	Quản trị Tài chính K52	Quản trị Tài chính-Kế toán-2007	KKTVQL	52	625544	1.76	157.5	Đạt	true(5<8)	EM4513:Kế toán tài chính;EM4521:Nghệp vụ ngân hàng;EM5040:Thực tập tốt nghiệp QTCTKT;	GDĐCBB:46;CSNBB:55.5;CNBB:35;TC:21;
235	20081799	Lê	Huy	Nam	20/11/1990	571	Kỹ thuật y sinh K53	Kỹ thuật y sinh 2008	KDVT	53	625598	2.08	150	Đạt	17-11<8	Xét cho nhận ĐATN, tay, do chuyển tđ 11tc ET3050,ET3110,ET3030 ngày 060913	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:50;CNBB:12;TC:19;
236	20081804	Nguyễn	Duy	Nam	30/05/1990	571	Máy & TB Nhiệt - Lạnh K53	Máy & TB NL 2008	VKHVCNNL	53	625655	2.11	148	Đạt	6<8	Xét được nhận do nợ 6TC<8TC	GDĐCBB:43;CSNBB:67;CNBB:22;TCI:1;TCII:15;
237	20081807	Nguyễn	Hải	Nam	13/09/1990	571	Toán Tin 2 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	2.28	157.5	Đạt	true(5<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;MI5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:8;TCI:5;
238	20081823	Nguyễn	Thanh	Nam	16/02/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	1.87	158	Không đạt	10<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;EE2010:Kỹ thuật điện;ME2010:Hình học họa hình;CH3320:Phương pháp phân tích bằng công cụ;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH5007:Thực tập tốt n...	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:37;CNBB:36;TCI:16;TCII:4;TC:2;
239	20072035	Nguyễn	Văn	Nam	01/12/1989	571	TB Điện 2 K52	Thiết bị Điện-điện tử-2007	KD	52	625062	1.76	154	Không đạt	16<8	SSH1040:CNXH khoa học;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME2020:Vẽ kỹ thuật ;EE3490:Kỹ thuật lập trình;EE4210:Đồ án thiết bị điều khiển ;EE4212:Đồ án thiết kế máy điện;	GDĐCBB:44;CSKTCBB:14;CSNB B:55;CNBB:25;TC:12;
240	20081833	Phạm	Hồng	Nam	26/10/1990	571	Toán Tin 2 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	1.81	155.5	Đạt	true(7<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;MI5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:20;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:6;TCI:8;
241	20072042	Phạm	Văn	Nam	17/12/1988	571	Chế tạo máy 2 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.86	159.5	Đạt	true(6<8)	FL1020:Tiếng Anh II;ME3160:Thực tập kỹ thuật;ME4162:Đồ án Máy ;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:46.5;CNBB:30;TCI:12;TCII:6;
242	20062229	Phạm	Văn	Năng	17/12/1988	571	Hoà Dầu 2 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	1.91	163	Đạt	true(7<8)	PE1010:Giáo dục thể chất A;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:36;TC:2;TCI:11;TCII:6;
243	20081878	Tường	Thế	Nghĩa	11/08/1990	571	IS2 K53	CNTT Việt-Nhật - IS 2008	BDHDADTCVT	53	67975	2.35	184	Đạt	true(0<8)	IT5022:Nghiên cứu tốt nghiệp 2;	GDĐCBB:54;CSKTCBB:37;CSNB B:88;CNBB:3;
244	20072086	Trịnh	Minh	Nghĩa	19/08/1989	571	Điện tử 10 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	1.84	159	Không đạt	10<8	PE1030:Giáo dục thể chất C;PH1020:Vật lý đại cương II;ET3070:Cấu kiện điện tử;ET3110:Kỹ thuật vi xử lý;	GDĐCBB:42;CSNBB:82;CNBB:13;TCCD1:7;TCCD13:3;TCCD2:0;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
245	20081880	Dương	Văn	Ngọ	17/09/1990	571	Kỹ thuật thực phẩm K53	Kỹ thuật thực phẩm 2008	VCNSHVTP	53	625681	2.11	165	Đạt	true(5<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;PH1010:Vật lý đại cương I;	GDĐCBB:39;CSKTCBB:25;CSNB B:73;CNBB:4;TCI:14;TCII:6;
246	20062271	Hàn	Thị Bích	Ngọc	18/02/1987	571	Toán tin 1 K52	Toán-Tin-2007	KTTD	52	68179	1.81	157.5	Không đạt	12<8	PH1010:Vật lý đại cương I;MI3030:Xác suất thống kê;MI4070:Cơ sở toán học của hệ mờ;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:20;CSNB B:37;CNBB:38.5;TC:8;TCI:8;
247	20072106	Nguyễn	Duy	Ngọc	15/04/1989	571	Chế tạo máy 3 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	2.15	162.5	Đạt	true(7<8)	ME4162:Đồ án Máy ;ME4152:Kỹ thuật ma sát;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:48.5;CNBB:28;TCI:6;TCII:8;
248	20081912	Lê	Văn	Nguyễn	27/07/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.32	157	Đạt	true(8<8)	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;IT3900:Thực tập cơ sở;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TC:6;TCI:4;TCII:8;
249	20081925	Cù	Đức	Nhật	22/06/1990	571	Máy và Tự động thủy khí K53	Máy tự động thủy khí-2008	VCKDL	53	625162	2.1	163	Đạt	true(2.5<8)	ME3130:Đồ án chi tiết máy;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:45;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
250	20081917	Nguyễn	Chí	Nhân	17/09/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	1.84	167	Đạt	true(3<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;CH4190:Lò silicat 1;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:26;CSNB B:43;CNBB:32;TCI:13;TCII:6;TC:2;
251	20081934	Vũ	Đình	Nhuận	28/04/1990	571	Thiết bị điện K53	Thiết bị Điện-Điện tử 2008	KD	53	625062	2.07	152	Không đạt	15<8	MIL1011:Đường lối quân sự;SSH1050:Tư tưởng HCM;MI2020:Xác suất thống kê;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EE3020:Lý thuyết mạch điện II;EE3030:Lý thuyết trường điện từ;EE3110:Kỹ thuật đo lường;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:13;CSNB B:51;CNBB:27;TC:16;
252	20081949	Nguyễn	Thị	Oanh	01/03/1990	571	CN May và Thời trang K53	Công nghệ may và thời trang -2008	KCNDMVTT	53	625850	2.02	156.5	Không đạt	15.5<8	MIL1011:Đường lối quân sự;ME2141:Cơ học kỹ thuật B;TEX4032:Thiết bị may công nghiệp;TEX4042:Công nghệ sản xuất sản phẩm may;TEX4062:Công nghệ may 2;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:23;CNBB:42.5;TC:18;TCI:0;TCII:0;
253	20081962	Lê	Duy	Phong	24/11/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	1.89	164	Đạt	true(4<8)	MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH4196:Công nghệ vật liệu kết dính ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:33;TCI:13;TCII:6;TC:2;
254	20083429	Phan	Việt	Phong	20/10/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.25	161	Đạt	true(4<8)	ME2010:Hình học họa hình;IT3060:Toán chuyên đề;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:23;CSNB B:36;CNBB:35;TC:6;TCI:6;TCII:8;
255	20081976	Trần	Tấn	Phong	14/11/1990	571	Chế tạo máy 4 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	1.83	154.5	Không đạt	13<8	MIL1013:Quân sự chung;CH1010:Hoá học đại cương;PH1020:Vật lý đại cương II;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME3050:Sức bền vật liệu II;ME4232:Đồ án thiết kế dụng cụ cắt;	GDĐCBB:36;CSKTCBB:22;CSNB B:43.5;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
256	20081995	Chu	Xuân	Phúc	01/12/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 1 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	1.91	163	Đạt	true(4<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:36;TCI:11;TCII:6;TC:2;
257	20052503	Lương	Xuân	Phúc	NULL	571	Kỹ thuật máy tính K52	Kỹ thuật Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.2	156	Đạt	true(9<10)	PE1020:Giáo dục thể chất B;MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;IT4200:Kỹ thuật ghép nối máy tính;IT4290:Xử lý tiếng nói;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:28;TC:2;TCI:4;TCII:4;TCIIA:2;TCIIB:4;

258	20062466	Nguyễn	Kim	Phượng	30/10/1983	571	Chế tạo máy 6 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.78	154.5	Không đạt	13<8	MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;PE1010:Giáo dục thể chất A;PE1020:Giáo dục thể chất B;MI2020:Xác suất thống kê;ME3172:Công nghệ chế tạo máy I;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME4202:Công nghệ chế tạo má...	GDĐCBB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:43.5;CNBB:25;TCI:12;TCII:9;
259	20082015	Dương	Đông	Phương	17/05/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.52	165	Đạt	true(2<8)	CH4376:Kỹ thuật phản ứng;CH5007:Thực tập tốt nghiệp (Quá trình & Thiết bị CNHH);	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:34;TCI:14;TCII:4;TC:2 ;
260	20072257	Nguyễn	Hà	Phương	06/12/1988	571	Chế tạo máy 8 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	2.03	165.5	Đạt	true(6<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;ME4202:Công nghệ chế tạo máy II;ME4162:Đồ án Máy ;ME4222:Thiết kế dụng cụ cắt;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:49.5;CNBB:24;TCI:12;TCII:8;
261	20082031	Nguyễn	Minh	Phương	08/02/1990	571	Máy & TB Nhiệt - Lạnh K53	Máy & TB NL 2008	VKHVCNNL	53	625655	1.9	155	Đạt	true(8<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;HE4093:Đồ án kỹ thuật sấy;HE5012:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSNB:73;CNBB:22 ;TCI:1;TCII:16;
262	20073763	Trần	Hùng	Phương	06/05/1989	571	Kỹ thuật hàng không K52	Kỹ thuật Hàng không-2007	VCKDL	52	625162	1.99	166	Đạt	true(5<8)	PE1010:Giáo dục thể chất A;SSH1050:Tư tưởng HCM;ME3188:Đồ án máy bay;	GDĐCBB:44;CSKTCBB:23;CSNB B:46;CNBB:30;TCI:12;TCII:7;
263	20082041	Vũ	Việt	Phương	20/11/1990	571	KTHN&Vật lý môi trường K53	Kỹ thuật Hạt nhân & Vật lý Môi trường-2008	VKTHNVVLMT	53	626114	2.01	141	Đạt	true(6<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;PH3065:Cơ học lượng tử;NE3100:Cơ học chất lưu ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:50;CNBB:6;TCI:5;TCII:8;
264	20082053	Đỗ	Thế	Quang	09/05/1990	571	Tự động hoá 1 K53	Tự động hoá XHCN 2008	KD	53	625063	2.51	157	Đạt	true(6<8)	EE4307:Đồ án tổng hợp hệ điều khiển điện cơ ;EE4312:Robot ;EE4313:Tự động hoá quá trình sản xuất;EE5032:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:59;CNBB:20;TC:16;
265	20072297	Lê	Anh	Quang	19/03/1989	571	Khoa học máy tính K52	Khoa học Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.35	164	Đạt	true(3<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:37;TC:4;TCI:4;TCII:9;
266	20082060	Lê	Văn	Quang	18/04/1990	571	Máy & TB Nhiệt - Lạnh K53	Máy & TB NL 2008	VKHVCNNL	53	625655	1.97	154	Không đạt	9<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;PH1010:Vật lý đại cương I;HE3022:Đo lường nhiệt;HE5012:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:39;CSNB:75;CNBB:24 ;TCI:1;TCII:15;
267	20082062	Mai	Xuân	Quang	26/10/1989	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	2.07	166	Đạt	true(2<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:26;CSNB B:40;CNBB:36;TCI:13;TCII:6;
268	20082069	Nguyễn	Ngọc	Quang	19/06/1990	571	Vật liệu KLM và composít K53	Vật liệu KLM và composít 2008	KKHVCNVL	53	68280	2.78	162.5	Đạt	true(3<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MI1020:Giải tích II;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:25;CSNB B:38.5;CNKLB:22;CNBB:13;TC:18;
269	20082073	Nguyễn	Văn	Quang	08/04/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	1.99	153	Đạt	true(5<8)	MIL1013:Quân sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;PE1030:Giáo dục thể chất C;IT4300:An toàn các hệ thống thông tin;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:33;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
270	20082100	Lê	Ngọc	Quân	04/01/1990	571	Kỹ thuật năng lượng K53	Kỹ thuật năng lượng 2008	VKHVCNNL	53	625654	2.05	162	Đạt	true(4<8)		GDĐCBB:43;CSNB:74;CNBB:22 ;TC:1;TCII:18;
271	20082102	Lý	Hồng	Quân	25/04/1990	571	CN & QL Môi trường K53	CN & QL Môi trường 2008	VKHVCNMT	53	626021	2.1	153	Không đạt	12<8	MI1010:Giải tích I;PH1020:Vật lý đại cương II;EV4201:Thực tập chuyên ngành;	GDĐCBB:36;CSKTCBB:67;CSNB B:28;TC:18;
272	20072329	Nguyễn	Đình	Quân	08/07/1989	571	HT Điện 2 K52	Hệ thống Điện-2007	KD	52	625061	1.67	158	Đạt	true(8<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;EE3281:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE4103:Đồ án lưới điện;EE4115:Ổn định của hệ thống điện;EE4116:Tự động hoá trong hệ thống điện ;EE5011:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:53;CNBB:26;TC:14;
273	20086107	Nguyễn	Hồng	Quân	20/12/1987	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin (CH) 2008	KCNTT	53	67977	2.57	165	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:0;CSNB:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
274	20082120	Phùng	Văn	Quân	11/06/1989	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	1.84	154	Không đạt	13<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;FL2010:Tiếng Anh KHKT;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:23;CSNB B:35;CNBB:36;TCI:11;TCII:4;
275	20082126	Trịnh	Văn	Quân	17/02/1988	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	1.86	162	Đạt	true(6<8)	PE1030:Giáo dục thể chất C;MIL1013:Quân sự chung;CH3400:Quá trình và thiết bị CNHH I;CH4190:Lò silicat 1;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:32;TCI:12;TCII:6;TC:2 ;
276	20082181	Nguyễn	Phúc	Quý	12/05/1990	571	Kỹ thuật năng lượng K53	Kỹ thuật năng lượng 2008	VKHVCNNL	53	625654	1.62	151	Không đạt	11<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;CH1010:Hoá học đại cương;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3050:Sức bền vật liệu II;HE4032:Hệ thống điều khiển quá trình nhiệt - lạnh;HE5011:Thực tập tốt n...	GDĐCBB:40;CSNB:72;CNBB:20 ;TC:1;TCII:18;
277	20062584	Phí	Văn	Quyền	26/04/1987	571	Đo lường TH 2 K52	Kỹ thuật đo và Tin học công nghiệp-2007	KD	52	625060	1.98	160	Đạt	true(5<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;EE4508:Đồ án kỹ thuật vi xử lý ;EE4417:Tự động hoá quá trình công nghệ;EE5052:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:59;CNBB:22;TC:14;
278	20072374	Lê	Bá	Quyết	25/11/1989	571	Chế tạo máy 3 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.95	164.5	Đạt	true(6<8)	ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME4232:Đồ án thiết kế dụng cụ cắt;ME4162:Đồ án Máy ;ME4152:Kỹ thuật ma sát;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:46.5;CNBB:26;TCI:12;TCII:8;
279	20072379	Nguyễn	Thế	Quyết	12/12/1988	571	Gia công áp lực K52	Gia công áp lực-2007	KCK	52	625273	1.96	160.5	Không đạt	9<8	ME2020:Vẽ kỹ thuật ;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3020:Vẽ kỹ thuật II;ME3030:Vẽ kỹ thuật III;ME4085:Đồ án thiết bị dập tạo hình;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:20;CSNB B:41.5;CNBB:29;TCI:12;TCII:8;
280	20082153	Nguyễn	Văn	Quyết	10/10/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 2 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	1.82	160	Đạt	true(7<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH4016:Thí nghiệm chuyên ngành 2;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:33;TCI:9;TCII:6;TC:2;
281	20083455	Nguyễn	Văn	Quyết	04/02/1990	571	Máy & TB Nhiệt - Lạnh K53	Máy & TB NL 2008	VKHVCNNL	53	625655	2.57	168	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSNB:77;CNBB:24 ;TCI:1;TCII:19;
282	20083659	Dương	Văn	Quỳnh	18/08/1990	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	2.14	165	Đạt	true(2<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:36;TCI:13;TCII:6;
283	20073779	Chu	Hoàng	Sang	20/11/1989	571	CN Giấy K52	Công nghệ Xenluloza & Giấy-2007	KCNHH	52	625986	1.93	166	Đạt	true(4<8)	CH3400:Quá trình và thiết bị CNHH I;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:32;TCI:13;TCII:8;
284	20082192	Đào	Duy	Sáng	19/06/1990	571	Động cơ đốt trong K53	Động cơ đốt trong-2008	VCKDL	53	625162	2.11	157	Đạt	true(9.5<10)	MIL1013:Quân sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME3060:Nguyên lý máy;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:19;CSNB B:45;CNBB:30;TC:19;
285	20072420	Đình	Quang	Sáng	18/12/1988	571	Kỹ thuật năng lượng 2 K52	Kỹ thuật Năng lượng-2007	VKHVCNNL	52	625654	2.05	159	Không đạt	11<8	CH1010:Hoá học đại cương;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;HE4012:Nhà máy nhiệt điện;	GDĐCBB:43;CSNB:75;CNBB:20 ;TC:17;

286	20062645	Nguyễn	Anh	Sâm	27/10/1988	571	Điện tử 2 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	2.07	160	Đạt	true(5<8)	SSH1040:CNXH khoa học;ET4270:Kiến trúc máy tính;ET5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:44;CSNBB:88;CNBB:10 ;TCCD1:0;TCCD13:3;TCCD2:0;TCCD3:7;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
287	20082209	Cao	Thế	Son	09/08/1990	571	Toán Tin 2 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	1.83	147.5	Không đạt	15<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;MI3050:Các phương pháp tối ưu;MI4150:Lý thuyết nhận dạng;MI5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:37;CNBB:37.5;TC:8;TCI:2;
288	20082227	Lê	Văn	Son	19/12/1990	571	Sản phẩm chất dẻo K53	CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2008	KCK	53	625273	1.96	158.5	Đạt	true(8<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;EE2010:Kỹ thuật điện;ME3030:Vẽ kỹ thuật III;ME4181:Phương pháp phân tử hữu hạn;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:44.5;CNBB:27;TCI:10;TCII:10;
289	20052767	Mai	Anh	Son	NULL	571	KSCLC Tin học công nghiệp K52	KSCLC Tin học công nghiệp 2007	TTDTTN	52	626149	1.72	179	Không đạt	28<8	EE3626:Cảm biến và thiết bị đo;EE3656:Điện tử số ;EE4603:Mạng cục bộ công nghiệp;EE4604:Các hệ thống thời gian thực;FL1403:Tiếng Pháp KSCLC 3;IT3104:Kỹ thuật lập trình;MI2044:Phương pháp tính;MIL10...	CNBB:179;
290	20082251	Nguyễn	Trường	Son	16/12/1990	571	Tin Pháp K53	Tin Pháp 2008	KCNTT	53	67977	2.1	162	Đạt	true(2<8)	IT4685:Truyền thông đa phương tiện và ứng dụng (tiếng P);	GDĐCBB:37;CSKTCBB:23;CSNB B:46;CNBB:30;TC:22;
291	20082262	Trần	Thanh	Son	13/03/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	2.32	156	Đạt	true(6<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:33;TC:2;TCI:4;TCII:2; TCIIA:2;TCIIB:4;
292	20086133	Vương	Chí	Son	16/10/1989	571	Cơ điện tử 3 (C) K53	Cơ điện tử-CTC (CH)-2008	KCK	53	625273	2.43	167	Đạt	true(4<8)		GDĐCBB:6;CSKTCBB:2;CSNBB: 34;CNBB:16;TCI:10;TCII:4;
293	20082272	Hoàng	Văn	Sự	04/04/1987	571	Động cơ đốt trong K53	Động cơ đốt trong-2008	VCKDL	53	625162	2.07	160.5	Đạt	true(6<8)	EE2010:Kỹ thuật điện;MI2020:Xác suất thống kê;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:16;CSNB B:48.5;CNBB:30;TC:19;
294	20082280	Vũ	Hồng	Tam	31/08/1989	571	Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy K53	Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy-2008	VCKDL	53	625162	2	163	Đạt	true(4.5<8)	MI2010:Phương pháp tính;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:48;CNBB:28;TCI:10;TCII:10;
295	20082294	Vũ		Tám	26/08/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	2.64	166	Đạt	true(0<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:33;TC:2;TCI:4;TCII:6; TCIIA:2;TCIIB:6;
296	20062771	Lê	Thanh	Tâm	03/10/1988	571	Quản trị DN K52	Quản trị Doanh nghiệp-2007	KKTVQL	52	625538	2.28	165.5	Đạt	true(2<8)	ME2040:Cơ học kỹ thuật;	GDĐCBB:46;CSNBB:53.5;CNBB: 39;TC:23;
297	20082301	Nguyễn	Đình	Tâm	13/09/1988	571	Động cơ đốt trong K53	Động cơ đốt trong-2008	VCKDL	53	625162	1.91	156	Không đạt	10.5<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME4170:Đại cương ĐCĐT;ME4181:Phương pháp phân t...	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:45;CNBB:26;TC:19;
298	20072514	Nguyễn	Minh	Tâm	14/03/1989	571	TB Điện 1 K52	Thiết bị Điện-điện tử-2007	KD	52	625062	1.9	161	Đạt	true(5<8)	EE3391:Vật liệu điện cao áp ;EE4210:Đồ án thiết bị điều khiển ;EE5021:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:54;CNBB:26;TC:16;
299	20082316	Nguyễn	Duy	Tân	13/07/1990	571	CN Polyme K53	Polyme 2008	KCNHH	53	67896	2.12	166	Đạt	true(2<8)	SSH1050:Tư tưởng HCM;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:25;CSNB B:46;CNBB:29;TCI:13;TCII:10;
300	20082319	Nguyễn	Ngọc	Tân	20/05/1990	571	Điện tử 4 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	2.69	166	Đạt	true(1<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:67;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13: 0;TCCD2:7;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:3;TC:7;
301	20083475	Nguyễn	Văn	Tân	02/09/1990	571	Kỹ thuật năng lượng K53	Kỹ thuật năng lượng 2008	VKHVCNNL	53	625654	2.13	162	Đạt	true(4<8)		GDĐCBB:43;CSNBB:76;CNBB:23 ;TC:1;TCII:15;
302	20082327	Trần	Đức	Tân	22/01/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	2.15	152	Không đạt	10<8	MIL1013:Quân sự chung;IT4240:Quản trị dự án công nghệ thông tin;IT4290:Xử lý tiếng nói;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:29;TC:2;TCI:2;TCII:2; TCIIA:2;TCIIB:6;
303	20082635	Cao	Hoàng	Tiến	18/09/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.1	160	Đạt	true(2<8)	IT3060:Toán chuyên đề;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:33;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA: 6;TCIIB:6;
304	20072866	Hoàng	Viết	Tiến	20/03/1989	571	Cơ điện tử 3 K52	Cơ điện tử C-2007	KCK	52	625273	2.2	158	Đạt	8<8	Xét được nhận ĐA do ME3150 2.5TC học 2TC	GDĐCBB:42;CSKTCBB:22;CSNB B:44;CNBB:26;TCI:14;TCII:10;
305	20072882	Nguyễn	Tuý	Tiến	23/09/1988	571	Chế tạo máy 5 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.93	162.5	Không đạt	10<8	CH1010:Hoá học đại cương;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME4202:Công nghệ chế tạo máy II;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:23;CSNB B:44.5;CNBB:27;TCI:10;TCII:11;
306	20087015	Nguyễn	Trung	Tiến	18/05/1983	571	KS2K53ĐTVT	Điện tử Viễn thông (KS2)-2008	KDVT	53	625598	2.53	185	Đạt	true(8<8)	ET3210:Trường điện từ;ET3080:Xử lý số tín hiệu;ET4270:Kiến trúc máy tính;	CSNBB:88;CNBB:10;TCCD1:0;TC CD13:3;TCCD2:0;TCCD3:7;TC:8;
307	20082661	Nguyễn	Xuân	Tiến	13/11/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.26	163	Đạt	true(8<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;MI2020:Xác suất thống kê;CH4370:Công nghệ màng;CH4384:Thí nghiệm chuyên ngành;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:43;CNBB:31;TCI:14;TCII:6;TC:2 ;
308	20072904	Nguyễn	Văn	Tiếp	12/01/1988	571	Polime K52	Công nghệ Vật liệu Polyme-Compozit-2007	KCNHH	52	67896	1.87	161	Đạt	true(7<8)	CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;CH5002:Thực tập tốt nghiệp (CN vật liệu Polyme-compozit);	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:32;TCI:13;TCII:10;
309	20082674	Lê	Quang	Tiếp	13/10/1990	571	Công nghệ phần mềm K53	Công nghệ phần mềm 2008	KCNTT	53	67977	2.25	162	Đạt	true(6<8)	MIL1013:Quân sự chung;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;IT3030:Kiến trúc máy tính;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:32;CNBB:34;TC:6;TCI:6;TCII:15 ;
310	20082680	Nguyễn	Đình	Tín	11/09/1990	571	Sản phẩm chất dẻo K53	CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2008	KCK	53	625273	2.12	165	Đạt	true(2.5<8)	MIL1013:Quân sự chung;ME3050:Sức bền vật liệu II;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:45;CNBB:29;TCI:12;TCII:10;
311	20082692	Đặng	Hải	Toàn	06/10/1990	571	Máy chính xác K53	Cơ khí chính xác & quang học-2008	KCK	53	625273	1.84	151	Không đạt	13.5<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;SSH1120:Những NLCB của CNML II;IT1010:Tin học đại cương;ME3120:Kỹ thuật điều khiển tự động;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:37;CSKTCBB:23;CSNB B:45;CNBB:23;TCI:12;TCII:11;
312	20072956	Trần	Văn	Toàn	25/11/1988	571	Kỹ thuật máy tính K52	Kỹ thuật Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.03	159	Không đạt	10<8	IT3120:Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin;IT4290:Xử lý tiếng nói;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:39;CNBB:31;TC:2;TCI:4;TCII:0; TCIIA:2;TCIIB:6;
313	20082733	Nguyễn	Văn	Tới	01/09/1990	571	KTHN&Vật lý môi trường K53	Kỹ thuật Hạt nhân & Vật lý Môi trường-2008	VKTHNVVLMT	53	626114	1.98	143	Không đạt	10<8	MI1030:Đại số;PH1020:Vật lý đại cương II;MI2020:Xác suất thống kê;	GDĐCBB:36;CSKTCBB:22;CSNB B:55;CNBB:6;TCI:7;TCII:11;
314	20073361	Đặng	Đức	Tú	03/04/1989	571	Toán tin 2 K52	Toán-Tin-2007	KTTD	52	68179	1.77	160.5	Không đạt	11<8	SSH1040:CNXH khoa học;MI3030:Xác suất thống kê;MI3110:Kiến trúc máy tính và hợp ngữ;	GDĐCBB:44;CSKTCBB:20;CSNB B:34;CNBB:40.5;TC:10;TCI:8;

315	20073372	Nguyễn	Anh	Tú	17/11/1989	571	Polime K52	Công nghệ Vật liệu Polyme-Compozit-2007	KCNHH	52	67896	1.86	164	Đạt	true(6<8)	SSH1020:Kinh tế chính trị;CH3000:Hóa lý 1 (Cấu tạo chất);CH3010:Hóa lý 2 (Nhiệt động hóa học);	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:39;CNBB:32;TCI:13;TCII:10;
316	20083066	Nguyễn	Anh	Tú	02/12/1990	571	CN Xenluloza-Giấy K53	Xenluloza-Giấy 2008	KCNHH	53	625986	2.73	166	Đạt	true(2<8)	PE1020:Giáo dục thể chất B;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:32;TCI:11;TCII:10;
317	20083078	Nguyễn	Thanh	Tú	15/11/1990	571	KSTN Toán Tin K53	KSTN Toán Tin 2008	TTDTTN	53	626027	2.52	153.5	Đạt	true(2<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;MI3133:Đại số hiện đại;MI5013:Thực tập tốt nghiệp;	CNBB:153.5;
318	20083096	Vũ	Huy	Tú	28/08/1990	571	Công nghệ Hàn K53	Công nghệ hàn-2008	KCK	53	625273	1.98	165	Đạt	true(2.5<8)	MIL1013:Quân sự chung;ME3030:Vẽ kỹ thuật III;	GDĐCB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:45;CNBB:29;TCI:12;TCII:10;
319	20082870	Bùi	Anh	Tuấn	22/10/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	1.93	161	Đạt	true(7<8)	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:35;TCI:11;TCII:8;TC:2 ;
320	20063433	Đào	Đình	Tuấn	23/12/1987	571	Hoá Dầu 1 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	2.08	167	Đạt	true(3<8)	PE1020:Giáo dục thể chất B;MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;ME2020:Vẽ kỹ thuật /CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCB:46;CSKTCBB:23;CSNB B:41;CNBB:36;TC:0;TCI:13;TCII:6 ;
321	20082896	Hoàng	Ngọc	Tuấn	27/11/1990	571	Quản trị doanh nghiệp K53	Quản trị doanh nghiệp 2008	KKTVQL	53	625538	2.07	161.5	Đạt	true(6<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;CH1010:Hoá học đại cương;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;	GDĐCB:40;CSNB:55.5;CNBB:39;TC:23;
322	20063456	Lê	Anh	Tuấn	NULL	571	IS1 K52	CNTT Việt-Nhật - IS 2007	BDHDADTCVT	52	67975	1.88	172	Không đạt	16<8	IT3021:Toán rời rạc;MI2027:Lý thuyết xác suất;MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;PE1030:Giáo dục thể chất C;MI1037:Toán đại cương III;MI1137:Bài tập toán đại cương III;IT3043:Lập trình C (cơ bản);ET2011...	GDĐCB:52;CSKTCBB:26;CSNB B:89;CNBB:3;
323	20073870	Nguyễn	Minh	Tuấn	01/02/1989	571	Hoá Dầu 2 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	1.9	163	Đạt	true(7<8)	HE2010:Kỹ thuật nhiệt;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;	GDĐCB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:38;CNBB:36;TC:2;TCI:13;TCII:4 ;
324	20082951	Phùng	Ngọc	Tuấn	28/04/1990	571	Chế tạo máy 2 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	1.88	158	Đạt	true(5.5<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;ME3160:Thực tập kỹ thuật;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:47;CNBB:31;TCI:12;TCII:6;
325	20082953	Trần	Anh	Tuấn	07/11/1990	571	Kỹ thuật y sinh K53	Kỹ thuật y sinh 2008	KDVT	53	625598	2.29	160	Đạt	true(7<8)	MIL1013:Quân sự chung;ME2020:Vẽ kỹ thuật /ET3040:Trường điện từ /EE3349:Cơ sở điều khiển tự động;	GDĐCB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:62;CNBB:12;TC:19;
326	20086397	Trần	Thanh	Tuấn	10/10/1984	571	SPKT Điện K53	Sư phạm kỹ thuật Điện (CH)-2008	KSPKT	53	68243	2.34	133	Đạt	true(5<8)	EE3510:Truyền động điện;	GDĐCB:3;CSKTCBB:15;CSNB:12;CNBB:27;TC:10;
327	20073278	Bùi	Quang	Tùng	13/04/1989	571	Máy và tự động thủy khí K52	Máy tự động thủy khí-2007	VCKDL	52	625162	2.23	164	Đạt	true(5<8)	MI1030:Đại số;SSH1050:Tư tưởng HCM;	GDĐCB:41;CSKTCBB:22;CSNB B:48;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
328	20073304	Lê	Thanh	Tùng	06/12/1989	571	Kỹ thuật máy tính K52	Kỹ thuật Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.14	165	Đạt	6<8	Xét được nhận ĐATN	GDĐCB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:41;CNBB:33;TC:0;TCI:2;TCII:6;TCIIA:2;TCIIB:4;
329	20063605	Lê	Thanh	Tùng	04/03/1988	571	Quản lý CN K52	Quản lý Công nghiệp-2007	KKTVQL	52	625543	2.25	165.5	Đạt	true(4<8)	CH1010:Hoá học đại cương;	GDĐCB:43;CSNB:58.5;CNBB:36;TC:24;
330	20083005	Lê	Xuân	Tùng	26/12/1989	571	Công nghệ Hàn K53	Công nghệ hàn-2008	KCK	53	625273	2.03	157	Đạt	10<10	Xét được nhận ĐA do đã đăng ký đủ	GDĐCB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:40;CNBB:29;TCI:12;TCII:10;
331	20073317	Ngô	Quang	Tùng	14/10/1989	571	Điện tử 7 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	2.33	163	Đạt	true(6<8)	HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EE3349:Cơ sở điều khiển tự động;	GDĐCB:46;CSNB:85;CNBB:13 /TCCD1:7;TCCD13:0;TCCD2:0;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
332	20083008	Ngô	Sơn	Tùng	24/04/1990	571	Kỹ thuật y sinh K53	Kỹ thuật y sinh 2008	KDVT	53	625598	1.81	150	Không đạt	13<8	SSH1050:Tư tưởng HCM;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MI2020:Xác suất thống kê;PH4070:Công nghệ vi điện tử;ET3150:Cơ sở đo lường điện tử;ET5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCB:38;CSKTCBB:19;CSNB B:62;CNBB:12;TC:19;
333	20083009	Ngô	Xuân	Tùng	16/01/1990	571	Cơ điện tử A K53	Cơ điện tử-CTA-2008	KCK	53	625273	1.86	147	Không đạt	15.5<8	MIL1013:Quân sự chung;IT1010:Tin học đại cương;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;EE3359:Lý thuyết điều khiển tự động;ME3050:Sức bền vật liệu II;ME3160:Thực tập kỹ thuật;EE3499:Vi xử lí;ME4011:Ngôn...	GDĐCB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:41;CNBB:23;TCI:12;TCII:9;
334	20073333	Nguyễn	Thanh	Tùng	19/11/1990	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	2.15	159	Đạt	true(6<8)	SSH1040:CNXH khoa học;IT4091:Xử lý ảnh;IT4410:Nhập môn tương tác người-máy;	GDĐCB:44;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:31;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
335	20083031	Nguyễn	Văn	Tùng	09/12/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	2.05	166	Đạt	true(2<8)	MIL1013:Quân sự chung;CH3100:Hóa vô cơ 1 (KTHH);	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:35;TCI:13;TCII:6;TC:2 ;
336	20083564	Phan	Thanh	Tùng	04/09/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 1 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	1.82	161	Đạt	true(7<8)	SSH1050:Tư tưởng HCM;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;CH3100:Hóa vô cơ 1 (KTHH);CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCB:41;CSKTCBB:25;CSNB B:37;CNBB:36;TCI:14;TCII:6;TC:0 ;
337	20083045	Trần	Thanh	Tùng	11/10/1990	571	KSCLC Cơ khí hàng không K53	KSCLC Cơ khí hàng không 2008	TTDTTN	53	625964	2.51	222	Đạt	true(7<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;EE3286:Lý thuyết điều khiển;IT3104:Kỹ thuật lập trình;	CNBB:218;
338	20083051	Văn	Danh	Tùng	01/06/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.23	166	Đạt	true(3<8)	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;CH5007:Thực tập tốt nghiệp (Quá trình & Thiết bị CNHH);	GDĐCB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:36;TCI:16;TCII:4;TC:2 ;
339	20073358	Vũ	Thanh	Tùng	17/09/1989	571	Kỹ thuật máy tính K52	Kỹ thuật Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.49	167	Đạt	true(2<8)		GDĐCB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:33;TC:0;TCI:4;TCII:6;TCIIA:2;TCIIB:6;
340	20086074	Vũ	Thanh	Tùng	31/10/1988	571	Điện tử 4 K53	Điện tử Viễn thông (CH)-2008	KDVT	53	625598	2.15	158	Đạt	15-7<8	Xét cho nhận ĐATN, tay, do chuyển 7TC tđ	GDĐCB:0;CSNB:50;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:2;TCCD3:0;TCCD4:7;TCCD24:3;TC:4;

341	20075144	Nguyễn	Ngọc	Tuyền	09/06/1989	571	D1K52	Anh văn CN KHKT&CN 2007	KNN	52	68930	1.74	138	Không đạt	24<8	FL1410:Ngoại ngữ 2-I;FL1420:Ngoại ngữ 2-II;FL1430:Ngoại ngữ 2-III;FL1440:Ngoại ngữ 2-IV;FL1450:Ngoại ngữ 2-V;FL3080:Phương pháp nghiên cứu khoa học;ET3552:Thực tập nhận thức điện tử;FL4063:Thực hàn...	GDĐCBB:22;CSNBB:60;CNBB:36;TCI:8;TCII:4;TC:0;TTTN:4;
342	20082970	Trần	Quang	Tuyền	21/06/1990	571	Điều khiển tự động 1 K53	Điều khiển tự động 2008	KD	53	625059	2.29	156	Không đạt	11<8	MIL1011:Đường lối quân sự;EE3500:Hệ thống thông tin công nghiệp;EE4407:Thiết kế hệ thống điều khiển tự động;EE4410:Thiết kế hệ điều khiển nhúng;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:57;CNBB:21;TC:12;
343	20073246	Đàm	Văn	Tuyên	16/06/1989	571	Toán tin 1 K52	Toán-Tin-2007	KTTD	52	68179	2.35	169.5	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSKTCBB:20;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:8;TCI:10;
344	20043506	Phạm	Văn	Tuyên	29/08/1985	571	Kỹ thuật hàng không K52	Kỹ thuật Hàng không-2007	VCKDL	52	625162	1.85	161.5	Đạt	true(8<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;ME3120:Kỹ thuật điều khiển tự động;ME3050:Sức bền vật liệu II;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:41.5;CNBB:31;TCI:8;TCII:9;
345	20073398	Nguyễn	Văn	Tư	20/06/1988	571	Cơ điện tử B K53	Cơ điện tử-CTB-2008	KCK	53	625273	2.06	156.5	Đạt	true(6<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng -An ninh;MIL1013:Quân sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;ME3160:Thực tập kỹ thuật;ME4151:Đồ án cơ điện tử;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:46.5;CNBB:26;TCI:12;TCII:10;
346	20072632	Nguyễn	Đình	Thái	29/09/1989	571	Đo lường TH 2 K52	Kỹ thuật đo và Tin học công nghiệp-2007	KD	52	625060	1.89	153	Không đạt	12<8	PE1030:Giáo dục thể chất C;ME2020:Vẽ kỹ thuật ;EE3410:Điện tử công suất;EE4503:Xử lý số tín hiệu;EE4507:Kỹ thuật vi xử lý II ;EE5052:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:17;CSNB B:56;CNBB:20;TC:14;
347	20082448	Bùi	Đình	Thắng	20/05/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.42	165	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:35;TC:6;TCI:6;TCII:8;
348	20082452	Dương	Đức	Thắng	05/06/1990	571	Máy chính xác K53	Cơ khí chính xác & quang học-2008	KCK	53	625273	2.23	158.5	Đạt	true(8<8)	ME3130:Đồ án chi tiết máy;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:46.5;CNBB:23;TCI:10;TCII:10;
349	20072666	Dương	Quốc	Thắng	30/03/1989	571	TĐ Hoá 1 K52	Tự động hóa-2007	KD	52	625063	1.92	159	Không đạt	11<8	SSH1010:Triết học Mác-Lênin;EE3282:Lý thuyết điều khiển tự động I;EE3392:Vật liệu điện ;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:19;CSNB B:54;CNBB:26;TC:14;
350	20082457	Hồ	Đức	Thắng	22/11/1989	571	SPKT Điện tử K53	Sư phạm kỹ thuật Điện tử-2008	KSPKT	53	68244	2.07	130	Không đạt	12<10	MI1020:Giải tích II;CH1010:Hoá học đại cương;MI2020:Xác suất thống kê;EE2010:Kỹ thuật điện;	GDĐCBB:37;CSKTCBB:16;CSNB B:12;CNBB:40;TC:22;
351	20082462	Lê	Vinh	Thắng	10/12/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	1.87	158	Không đạt	10<8	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;CH3430:Quá trình và thiết bị CNHH 4;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;CH4190:Lò silicat 1;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:32;TCI:13;TCII:8;TC:0;
352	20082476	Nguyễn	Sĩ	Thắng	24/09/1990	571	Quản trị doanh nghiệp K53	Quản trị doanh nghiệp 2008	KKTVQL	53	625538	2.3	161.5	Đạt	true(8<8)	SSH1110:Những NLCB của CNML I;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EM3110:Kinh tế học vĩ mô;	GDĐCBB:41;CSNBB:52.5;CNBB:39;TC:25;
353	20062994	Phan	Thành	Thắng	29/07/1988	571	Điện tử 8 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	2.04	170	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSNBB:89;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:7;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:3;TC:8;
354	20086137	Tạ	Thế	Thắng	31/07/1988	571	Chế tạo máy 5 K53	Công nghệ chế tạo máy (CH)-2008	KCK	53	625273	2.18	76	Đạt	true(2<8)	ME4222:Thiết kế dụng cụ cắt;	GDĐCBB:6;CSKTCBB:2;CSNBB:33;CNBB:17;TCI:8;TCII:6;
355	20082494	Trần	Minh	Thắng	20/12/1990	571	CN Silicat K53	Silicat 2008	KCNHH	53	67898	1.94	166	Đạt	true(2<8)	CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:35;TCI:13;TCII:8;TC:0;
356	20082497	Vũ	Tất	Thắng	20/01/1982	571	Điện tử 9 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	2.39	161	Đạt	true(6<8)	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;ET3050:Lý thuyết thông tin ;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:64;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:0;TCCD2:7;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:3;TC:8;
357	20082337	Đặng	Nam	Thanh	24/05/1990	571	Cơ điện tử A K53	Cơ điện tử-CTA-2008	KCK	53	625273	1.9	161	Đạt	true(4.5<8)	ME3080:Kỹ thuật thủy khí;ME4021:Phép tính ma trận trong cơ điện tử;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:45;CNBB:26;TCI:14;TCII:11;
358	20072562	Vũ	Văn	Thanh	24/11/1989	571	Chế tạo máy 2 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.98	159.5	Không đạt	11<8	SSH1040:CNXH khoa học;CH1010:Hoá học đại cương;PE1030:Giáo dục thể chất C;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME4152:Kỹ thuật ma sát;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:22;CSNB B:43.5;CNBB:29;TCI:14;TCII:6;
359	20082368	Đỗ	Duy	Thành	17/08/1990	571	Truyền thông mạng K53	Truyền thông mạng 2008	KCNTT	53	67977	2.07	163	Đạt	true(2<8)	IT4680:Truyền thông đa phương tiện và ứng dụng ;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNBB:33;TC:6;TCI:6;TCII:8;
360	20082369	Đỗ	Trung	Thành	04/11/1990	571	CN Hữu cơ hoá dầu 2 K53	Hữu cơ hoá dầu 2008	KCNHH	53	67887	1.94	162	Đạt	true(6<8)	SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;EE2010:Kỹ thuật điện;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:43;CNBB:36;TCI:13;TCII:6;TC:0;
361	20082370	Đỗ	Việt	Thành	09/03/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.35	153	Đạt	true(5<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;MI1030:Đại số;ME2030:Cơ khí đại cương;IT5000:Thực tập tốt nghiệp ;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:23;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
362	20082375	Lã	Hữu	Thành	25/10/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.3	162	Đạt	true(0<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
363	20072594	Nguyễn	Duy	Thành	23/11/1989	571	SP chất dẻo K52	Máy và CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2007	KCK	52	625273	1.99	155	Không đạt	14.5<8	PE1010:Giáo dục thể chất A;SSH1050:Tư tưởng HCM;PH1010:Vật lý đại cương ;ME3150:Thực tập cơ khí;MSE3100:Vật liệu học;ME4166:Hóa lý Polyme;ME4106:Thiết kế khuôn;	GDĐCBB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:42;CNBB:24;TCI:14;TCII:9;
364	20082384	Nguyễn	Duy	Thành	31/07/1990	571	Ô tô và Xe chuyên dụng K53	Ô tô và xe chuyên dụng-2008	VCKDL	53	625162	2.21	168	Đạt	true(0<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:42.5;CNBB:36.5;TCI:13;TCII:7;
365	20086070	Nguyễn	Đức	Thành	18/07/1989	571	Điện tử 6 K53	Điện tử Viễn thông (CH)-2008	KDVT	53	625598	2.4	169	Đạt	true(4<8)	ET3110:Kỹ thuật vi xử lý;	GDĐCBB:0;CSNBB:59;CNBB:13;TCCD1:7;TCCD13:3;TCCD2:0;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
366	20076164	Nguyễn	Trung	Thành	18/08/1984	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.22	160	Đạt	true(8<8)	IT3040:Kỹ thuật lập trình;IT4620:Xử lý dữ liệu đa phương tiện ;	CSNBB:38;CNBB:33;TC:6;TCI:2;TCII:8;

367	20083491	Trần	Công	Thành	21/01/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.09	167	Đạt	true(2<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;CH4374:Kỹ thuật tách các hỗn hợp nhiều cấu tử;CH5007:Thực tập tốt nghiệp (Quá trình & Thiết bị CNHH);	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:34;TCI:14;TCII:6;TC:2 ;
368	20082352	Đào	Hữu	Thao	09/09/1989	571	Quản trị doanh nghiệp K53	Quản trị doanh nghiệp 2008	KKTVQL	53	625538	2.2	159.5	Không đạt	10<8	SSH1110:Những NLCB của CNML I;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME2040:Cơ học kỹ thuật;SSH3010:Kinh tế chính trị (nâng cao);EM4313:Quản trị Marketing;	GDĐCB:41;CSNB:50.5;CNBB:36;TC:28;
369	20083498	Nguyễn	Văn	Thảo	06/07/1990	571	CN Xenuloza-Giấy K53	Xenuloza-Giấy 2008	KCNHH	53	625986	1.92	144	Không đạt	23<8	MIL1013:Quản sự chung;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3430:Quá trình và thiết bị CNHH 4;CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;CH4420:Hóa học gỗ;CH4422:Hóa h...	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:32;CNBB:23;TCI:11;TCII:8;
370	20082440	Nguyễn	Văn	Thạo	21/07/1990	571	Công nghệ Hàn K53	Công nghệ hàn-2008	KCK	53	625273	2.5	164.5	Đạt	true(3<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;	GDĐCB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:47.5;CNBB:29;TCI:12;TCII:10;
371	20082444	Lê	Công	Thăng	17/02/1991	571	Kỹ thuật năng lượng K53	Kỹ thuật năng lượng 2008	VKHVCNNL	53	625654	2.07	158	Đạt	true(8<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quản sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MI1030:Đại số;	GDĐCB:37;CSNB:75;CNBB:23 ;TC:1;TCII:18;
372	20082502	Đặng	Đình	Thế	22/06/1989	571	Chế tạo máy 4 K53	Công nghệ chế tạo máy-2008	KCK	53	625273	2.08	163	Đạt	true(5.5<8)	ME4152:Kỹ thuật ma sát;ME4282:Máy CNC và Rôbốt công nghiệp ;	GDĐCB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:48;CNBB:27;TCI:8;TCII:9;
373	20082505	Quách	Mạnh	Thế	15/11/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	1.92	154	Không đạt	12<8	ME2040:Cơ học kỹ thuật;IT4200:Kỹ thuật ghép nối máy tính;	GDĐCB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:41;CNBB:30;TC:2;TCI:4;TCII:0; TCIIA:2;TCIIB:6;
374	2007PT02	Trần	Văn	Thiệp	17/10/1989	571	Chế tạo máy 1 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	1.88	162.5	Đạt	true(8<8)	EE2010:Kỹ thuật điện;ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME4232:Đồ án thiết kế dụng cụ cắt;	GDĐCB:46;CSKTCBB:19;CSNB B:44.5;CNBB:29;TCI:10;TCII:10;
375	20072728	Lê	Công	Thiết	07/07/1989	571	Chế tạo máy 5 K52	Công nghệ Chế tạo máy-2007	KCK	52	625273	2.15	163.5	Đạt	true(6<8)	MI2010:Phương pháp tính;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME4232:Đồ án thiết kế dụng cụ cắt;	GDĐCB:46;CSKTCBB:20;CSNB B:46.5;CNBB:29;TCI:12;TCII:6;
376	20082511	Vũ	Kiến	Thiết	21/06/1990	571	Marketing K53	Marketing 2008	KKTVQL	53	625541	1.98	154	Không đạt	11<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quản sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;EM3001:Thực tập cơ bản (Xưởng cơ);MI1010:Giải tích I;MI1030:Đại số;	GDĐCB:34;CSNB:57;CNBB:34 ;TC:25;
377	20082563	Nguyễn	Văn	Thọ	25/06/1990	571	Kỹ thuật máy tính K53	Kỹ thuật máy tính 2008	KCNTT	53	67977	2.1	159	Đạt	true(7<8)	MIL1013:Quản sự chung;ME2040:Cơ học kỹ thuật;IT4290:Xử lý tiếng nói;	GDĐCB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:41;CNBB:31;TC:2;TCI:4;TCII:4; TCIIA:2;TCIIB:6;
378	20083513	Trương	Quang	Thọ	28/08/1990	571	Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy K53	Kỹ thuật thủy khí và Tàu thủy-2008	VCKDL	53	625162	2.05	155	Không đạt	12.5<8	MIL1013:Quản sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;ME3170:Công nghệ chế tạo máy;ME3087:Kỹ thuật thủy khí A;	GDĐCB:40;CSKTCBB:22;CSNB B:41;CNBB:28;TCI:10;TCII:10;
379	20082553	Ngô	Văn	Thoan	13/05/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.05	169	Đạt	true(2<8)	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quản sự chung;CH4374:Kỹ thuật tách các hỗn hợp nhiều cấu tử;	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:34;TCI:16;TCII:4;TC:2 ;
380	20082554	Lê	Thanh	Thoán	20/05/1990	571	CN Polyme K53	Polyme 2008	KCNHH	53	67896	1.99	162	Đạt	true(5<8)	MIL1013:Quản sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH3430:Quá trình và thiết bị CNHH 4;	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:29;TCI:13;TCII:10;
381	20082577	Nguyễn	Văn	Thuần	18/01/1990	571	Tin Pháp K53	Tin Pháp 2008	KCNTT	53	67977	2.3	164	Đạt	true(0<8)	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;	GDĐCB:37;CSKTCBB:23;CSNB B:46;CNBB:32;TC:22;
382	20082572	Nguyễn	Minh	Thuần	15/06/1990	571	CN Điện hoá K53	Điện hoá 2008	KCNHH	53	67897	1.94	158	Không đạt	9<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quản sự chung;CH3410:Quá trình và thiết bị CNHH 2;CH3430:Quá trình và thiết bị CNHH 4;	GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:37;CNBB:36;TCI:11;TCII:4;
383	20083680	Hà	Mạnh	Thường	13/08/1990	571	Điện tử 8 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	1.88	150	Không đạt	15<8	ME2040:Cơ học kỹ thuật;EE3349:Cơ sở điều khiển tự động;ET3030:Lý thuyết mạch;ET3040:Trường điện từ ;ET3160:Kỹ thuật phần mềm ứng dụng;	GDĐCB:43;CSKTCBB:19;CSNB B:55;CNBB:13;TCCD1:0;TCCD13:3;TCCD2:0;TCCD3:7;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:6;
384	20082621	Đoàn	Văn	Thượng	25/03/1990	571	Sản phẩm chất dẻo K53	CN chế tạo các sản phẩm chất dẻo-2008	KCK	53	625273	2	163.5	Đạt	true(5<8)	MIL1013:Quản sự chung;ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3120:Kỹ thuật điều khiển tự động;	GDĐCB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:41.5;CNBB:29;TCI:14;TCII:10;
385	20082744	Trần	Tuấn	Trang	13/10/1990	571	Tài chính Kế toán K53	Tài chính Kế toán 2008	KKTVQL	53	625544	1.87	152.5	Không đạt	10<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quản sự chung;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;EM4500:Thực tập chuyên ngành TCKT;EM4515:Hệ thống thông tin kế toán;	GDĐCB:22;CSKTCBB:43;CSNB B:33.5;CNBB:36;TC:14;
386	20082763	Nguyễn	Văn	Trị	19/03/1990	571	Cơ học vật liệu và CKL K53	Cơ học VL & CKL 2008	KKHVCNVL	53	625966	2.24	165	Đạt	true(0<8)		GDĐCB:45;CSKTCBB:25;CSNB B:38;CNLBB:22;CNBB:13;TC:18 ;
387	20043212	Lê	Nguyễn	Trình	17/05/1985	576	Khoa học máy tính K52	Khoa học Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	1.83	158	Không đạt	9<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;IT3040:Kỹ thuật lập trình;IT3050:Tiếng Anh chuyên ngành;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;	GDĐCB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:31;CNBB:37;TC:4;TCI:2;TCII:9;
388	20082760	Phạm	Công	Trình	30/06/1990	571	CN Hoá lý K53	Hoá lý 2008	KCNHH	53	625049	2.54	168	Đạt	true(0<8)		GDĐCB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:43;CNBB:32;TCI:13;TCII:10;
389	20073856	Lê	Thành	Trung	19/05/1989	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.01	162	Đạt	true(6<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;IT3120:Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin;IT4170:Xử lý tin hiệu số;	GDĐCB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:36;CNBB:33;TC:4;TCI:6;TCII:8;
390	20053425	Nguyễn	Duy	Trung	NULL	571	CN Hàn K52	Công nghệ Hàn-2007	KCK	52	625273	1.67	155.5	Không đạt	11<8	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;SSH1030:Lịch sử Đảng CSVN;PE1010:Giáo dục thể chất A;SSH1050:Tư tưởng HCM;PH1020:Vật lý đại cương II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCB:38;CSKTCBB:19;CSNB B:47.5;CNBB:29;TCI:12;TCII:10;
391	20082788	Nguyễn	Huy	Trung	15/03/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.06	164	Đạt	true(5<8)	SSH1120:Những NLCB của CNML II;MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quản sự chung;CH3420:Quá trình và thiết bị CNHH III;CH5007:Thực tập tốt nghiệp (Quá trình & Thiết bị CNHH);	GDĐCB:40;CSKTCBB:26;CSNB B:40;CNBB:36;TCI:14;TCII:4;TC:4 ;
392	20073046	Nguyễn	Văn	Trung	02/09/1989	571	Khoa học máy tính K52	Khoa học Máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.2	164	Đạt	true(3<8)	IT4040:Trí tuệ nhân tạo;	GDĐCB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:34;TC:4;TCI:4;TCII:12 ;
393	20043822	Tạ	Thành	Trung	NULL	571	Hoá lý K52	Công nghệ Hoá lý-2007	KCNHH	52	625049	2.01	166	Đạt	true(4<8)	MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;CH3430:Quá trình và thiết bị CNHH 4;	GDĐCB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:40;CNBB:32;TCI:11;TCII:10;

394	20073066	Vũ	Đức	Trung	31/07/1989	571	Điện tử 5 K52	Điện tử-Viễn thông-2007	KDVT	52	625598	2.09	158	Không đạt	11<8	ET3030:Lý thuyết mạch;ET3110:Kỹ thuật vi xử lý;ET4270:Kiến trúc máy tính;	GDĐCBB:46;CSNBB:82;CNBB:10 ;TCCD1:5;TCCD13:3;TCCD2:0;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
395	20073077	Dương	Xuân	Trưởng	16/06/1989	571	Quản trị Marketing K52	Quản trị Marketing-2007	KKTVQL	52	625541	1.84	148.5	Không đạt	21<8	MI1010:Giải tích I;MI1020:Giải tích II;MI1030:Đại số;PH1010:Vật lý đại cương I;MI2010:Phương pháp tính;MI2020:Xác suất thống kê;ME2040:Cơ học kỹ thuật;	GDĐCBB:33;CSNBB:47.5;CNBB:37;TC:27;
396	20063382	Đỗ	Quang	Trưởng	NULL	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	1.99	153	Đạt	12-2<8	Xét cho nhận ĐATN, tay, do chuyển tđIT4990 cho IT4900 VÀ ĐKÝ ĐỦ 10tc KỲ 20131	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:28;CNBB:30;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
397	20073089	Nguyễn	Đức	Trưởng	15/06/1989	571	Cơ điện tử 2 K52	Cơ điện tử B-2007	KCK	52	625273	1.79	153.5	Không đạt	12<8	MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;MI2010:Phương pháp tính;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;IT3017:Cấu trúc dữ liệu và thuật toán;ME4151:Đồ án cơ điện tử;IT3077:Hệ điều hành;ME4191:Ngôn ngữ C và C+...	GDĐCBB:46;CSKTCBB:20;CSNB B:47.5;CNBB:20;TCI:14;TCII:6;
398	20083567	Nghiêm	Tiến	Viễn	09/04/1990	571	Công nghệ phần mềm K53	Công nghệ phần mềm 2008	KCNTT	53	67977	2.05	151	Không đạt	15<8	MIL1011:Đường lối quân sự;MIL1013:Quân sự chung;SSH1130:Đường lối CM của ĐCSVN;MI1020:Giải tích II;ME2040:Cơ học kỹ thuật;IT4440:Tương tác Người –Máy;IT4490:Thiết kế và xây dựng phần mềm;	GDĐCBB:37;CSKTCBB:22;CSNB B:35;CNBB:28;TC:6;TCI:6;TCII:13 ;
399	20063745	Nguyễn	Hoàng	Việt	01/10/1986	571	Quản trị Marketing K52	Quản trị Marketing-2007	KKTVQL	52	625541	2.02	165.5	Đạt	true(5<8)	SSH1050:Tư tưởng HCM;PE1020:Giáo dục thể chất B;ME2040:Cơ học kỹ thuật;EM4412:Quản trị chất lượng;	GDĐCBB:44;CSNBB:52.5;CNBB:35;TC:30;
400	20073454	Nguyễn	Tiếp	Việt	11/11/1989	571	IS1 K52	CNTT Việt-Nhật - IS 2007	BDHADATCVT	52	67975	2.15	186	Đạt	true(6<8)	IT3021:Toán rời rạc;PH1027:Vật lý;MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;	GDĐCBB:50;CSKTCBB:38;CSNB B:93;CNBB:3;
401	20073462	Phạm	Đức	Việt	24/12/1989	571	Hoá Dầu 2 K52	Công nghệ Hữu cơ hoá dầu-2007	KCNHH	52	67887	1.84	166	Không đạt	9<8	ME2040:Cơ học kỹ thuật;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:43;CNBB:36;TC:0;TCI:0;TCII:0;
402	20063756	Phạm	Văn	Việt	06/01/1982	571	CN Sinh Học B K52	Công nghệ Sinh học-2007	VCNSHVTP	52	625677	1.68	167	Đạt	true(7<8)	CH3304:Hóa phân tích (CN SH-TP);CH3411:Quá trình và thiết bị CNHH 2 (CNSH & TP);BF3440:Tối ưu hóa các QT trong CNSH;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:25;CSNB B:59;CNBB:15;TC:18;
403	20063757	Phùng	Gia	Việt	01/06/1987	571	Máy và TB Nhiệt lạnh 2 K52	Máy và Thiết bị Nhiệt-Lạnh-2007	VKHVCNNL	52	625655	1.96	160	Đạt	7<8	Xét được nhận ĐATN	GDĐCBB:46;CSNBB:71;CNBB:22 ;TC:0;
404	20083155	Trần	Bằng	Việt	07/02/1990	571	Kỹ thuật y sinh K53	Kỹ thuật y sinh 2008	KDVT	53	625598	1.86	144	Không đạt	20<8	MIL1011:Đường lối quân sự;ET3040:Trường điện từ ;ET3061:Điện từ số;ET3110:Kỹ thuật vi xử lý;EE3349:Cơ sở điều khiển tự động;ET3180:Thông tin vô tuyến;ET4460:Cảm biến và KT đo lường y sinh;ET5010:Th...	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:50;CNBB:9;TC:20;
405	20053873	Trần	Văn	Việt	02/05/1987	571	Kỹ thuật hàng không K52	Kỹ thuật Hàng không-2007	VCKDL	52	625162	1.7	164.5	Đạt	true(5<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;FL3103:Tiếng Anh CN Cơ khí;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:44.5;CNBB:31;TCI:8;TCII:9;
406	20083569	Võ	Hoàng	Việt	11/01/1990	571	Toán Tin 1 K53	Toán-Tin ứng dụng-2008	KTTD	53	68179	1.99	154.5	Đạt	true(8<8)	MIL1010:Giáo dục quốc phòng I;MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;HE2010:Kỹ thuật nhiệt;MI5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:17;CSNB B:41;CNBB:40.5;TC:6;TCI:7;
407	20083121	Hoàng	Danh	Viễn	22/03/1985	571	Kỹ thuật đo K53	Kỹ thật đo 2008	KD	53	625060	1.98	162	Đạt	true(6<8)	HE2010:Kỹ thuật nhiệt;ME2040:Cơ học kỹ thuật;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:13;CSNB B:59;CNBB:25;TC:18;
408	20077019	Nguyễn	Duy	Vinh	NULL	571	KS2K52MMT	Truyền thông và Mạng máy tính (KS2)-2007	KCNTT	52	67977	2.23	160	Đạt	true(8<8)	IT4710:Đồ án môn học: Thiết kế và cài đặt hệ thống mạng;IT4720:Đồ án môn học: Xây dựng các ứng dụng phân tán ;IT4900:Thực tập chuyên ngành;	CSNBB:38;CNBB:31;TC:4;TCI:4;TCII:8;
409	20073496	Tạ	Văn	Vinh	05/08/1989	571	Động cơ K52	Động cơ đốt trong-2007	VCKDL	52	625162	1.98	154.5	Không đạt	15<8	ME3130:Đồ án chi tiết máy;ME3120:Kỹ thuật điều khiển tự động;ME3080:Kỹ thuật thủy khí;ME3050:Sức bền vật liệu II;MSE3100:Vật liệu học;ME3020:Vẽ kỹ thuật II;	GDĐCBB:46;CSKTCBB:22;CSNB B:35.5;CNBB:30;TC:17;
410	20086324	Trần	Quang	Vinh	25/01/1986	571	Toán Tin 1 K53	Toán-Tin ứng dụng (CH)-2008	KTTD	53	68179	2.21	167.5	Đạt	true(3<8)	MIL2010:Giáo dục quốc phòng II;MI4150:Lý thuyết nhận dạng;MI5010:Thực tập tốt nghiệp;	CSNBB:41;CNBB:37.5;TC:10;TCI:8;
411	20083571	Ngô	Quang	Vĩnh	07/06/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	1.89	151	Không đạt	11<8	MIL1012:Công tác quốc phòng-An ninh;MIL1013:Quân sự chung;SSH1050:Tư tưởng HCM;ME2030:Cơ khí đại cương;IT4390:Đồ án môn học: Thiết kế và phát triển phần mềm;IT4410:Nhập môn tương tác người-máy;	GDĐCBB:41;CSKTCBB:23;CSNB B:35;CNBB:31;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:3;
412	20083186	Nguyễn	Mậu	Vĩnh	16/08/1989	571	Máy và Tự động thủy khí K53	Máy tự động thủy khí-2008	VCKDL	53	625162	2.08	158	Đạt	true(7.5<8)	ME3010:Cơ học kỹ thuật II;ME3050:Sức bền vật liệu II;ME4790:Đồ án máy cánh dẫn;ME4770:Truyền động thủy động;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:44;CNBB:26;TCI:12;TCII:8;
413	20083195	Hoàng	Anh	Vũ	04/08/1990	571	Máy chính xác K53	Cơ khí chính xác & quang học-2008	KCK	53	625273	2.02	147	Không đạt	15.5<8	MIL1013:Quân sự chung;ME2020:Vẽ kỹ thuật ;ME3180:Đồ án công nghệ chế tạo máy;ME3060:Nguyên lý máy;ME4143:Đồ án Máy chính xác;ME5010:Thực tập tốt nghiệp;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:20;CSNB B:44;CNBB:22;TCI:8;TCII:10;
414	20063809	Nguyễn	Đức Anh	Vũ	24/04/1988	571	Hệ thống thông tin K52	Hệ thống Thông tin-2007	KCNTT	52	67977	1.95	161	Đạt	true(4<8)	PH1020:Vật lý đại cương II;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;
415	20083202	Nguyễn	Hán	Vũ	08/04/1990	571	Điện tử 7 K53	Điện tử Viễn thông-2008	KDVT	53	625598	2.16	154	Không đạt	13<8	ET3040:Trường điện từ ;ET3080:Xử lý số tín hiệu;ET3180:Thông tin vô tuyến;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:22;CSNB B:57;CNBB:13;TCCD1:7;TCCD13:0;TCCD2:0;TCCD3:0;TCCD4:0;TCCD24:0;TC:8;
416	20073517	Nguyễn	Quang	Vũ	05/02/1989	571	Quản trị Tài chính K52	Quản trị Tài chính-Kế toán-2007	KKTVQL	52	625544	1.97	167.5	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:46;CSNBB:55.5;CNBB:42;TC:20;
417	20073901	Trương	Hữu	Vũ	10/08/1989	571	Truyền thông và mạng máy tính K52	Truyền thông và Mạng máy tính-2007	KCNTT	52	67977	2.36	158	Không đạt	10<8	PH1020:Vật lý đại cương II;ME2030:Cơ khí đại cương;IT3040:Kỹ thuật lập trình;	GDĐCBB:42;CSKTCBB:23;CSNB B:36;CNBB:35;TC:6;TCI:4;TCII:8;
418	20083572	Nguyễn	Văn	Vượng	15/09/1990	571	Kỹ thuật Môi trường K53	Kỹ thuật Môi trường 2008	VKHVCNMT	53	626020	1.62	141	Không đạt	23<8	SSH1120:Những NLCB của CNML II;ME2040:Cơ học kỹ thuật;CH3224:Hóa hữu cơ (CN môi trường);FL3111:Tiếng Anh CN Môi trường;EV3150:Hóa học môi trường;EV3170:Vi sinh môi trường;EV3180:Độc học môi trường;...	GDĐCBB:40;CSKTCBB:50;CSNB B:23;TC:24;

419	20083236	Nguyễn	Ngọc	Xuân	15/08/1990	571	Quá trình và thiết bị K53	Quá trình và thiết bị 2008	KCNHH	53	67900	2.04	166	Đạt	true(4<8)	CH3440:Đồ án quá trình và thiết bị;CH4368:Thủy lực và phân riềng hệ không đồng nhất bằng phương pháp cơ học;	GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:41;CNBB:33;TCI:14;TCII:6;TC:2
420	20083244	Nguyễn	Đức	Yên	20/09/1990	571	Hệ thống thông tin K53	Hệ thống thông tin 2008	KCNTT	53	67977	2.82	162	Đạt	true(0<8)		GDĐCBB:43;CSKTCBB:25;CSNB B:35;CNBB:35;TCI:2;TCII:6;TCIIA:6;TCIIB:6;